

**DANH SÁCH TÀI SẢN LÀ TANG VẬT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU  
CHUYỂN BÁN ĐẦU GIÁ**

Đvt: Đồng

| Số TT      | Số Quyết định                                              | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất hàng hóa                                             | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền (đồng)  |
|------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-----------|--------------------|
| <b>I</b>   | <b>LÔ 1</b>                                                |                                                                                          |             |          |           | <b>45.360.000</b>  |
| 1          | Quyết định số 1977/QĐ-TTHTTV ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh | Dây cước, hiệu Buffalo, ngôn ngữ nước ngoài                                              | Cuộn        | 360      | 126.000   | 45.360.000         |
| <b>II</b>  | <b>LÔ 2</b>                                                |                                                                                          |             |          |           | <b>86.940.000</b>  |
| 1          | Quyết định số 390000006/QĐ-TT ngày 15/02/2022 của Cục QLTT | Dầu cát tường Lưu Ly, hiệu Hoàng Quân, made in Malaysia                                  | Chai        | 780      | 105.000   | 81.900.000         |
| 2          |                                                            | Dầu đèn cát tường, made in Korea                                                         | Chai        | 240      | 21.000    | 5.040.000          |
| <b>III</b> | <b>LÔ 3</b>                                                |                                                                                          |             |          |           | <b>7.140.000</b>   |
| 1          | Quyết định số 390000006/QĐ-TT ngày 15/02/2022 của Cục QLTT | Ổng áp lực bằng nhựa Togawa                                                              | cuộn        | 3        | 2.380.000 | 7.140.000          |
| <b>IV</b>  | <b>LÔ 4</b>                                                |                                                                                          |             |          |           | <b>12.000.000</b>  |
| 1          | QĐ số 00010711/QĐ-TTTP ngày 25/02/2021                     | Ổng nghiệm hiệu IMV 0007499 made in France                                               | Ổng         | 30.000   | 400       | 12.000.000         |
| <b>V</b>   | <b>LÔ 5</b>                                                |                                                                                          |             |          |           | <b>11.340.000</b>  |
| 1          | QĐ số 000114453/QĐ-TTTP ngày 02/3/2021                     | Sáp hiệu White Paraffin                                                                  | Kg          | 600      | 18.900    | 11.340.000         |
| <b>VI</b>  | <b>LÔ 6</b>                                                |                                                                                          |             |          |           | <b>212.450.000</b> |
| 1          | Quyết định số 390000002/QĐ-TT ngày 09/02/2022 của Cục QLTT | Vải trắng phủ nhựa Poly, xuất xứ Trung Quốc, có nhãn phụ (10 cây)                        | Kg          | 276      | 35.000    | 9.660.000          |
| 2          |                                                            | Vải dệt trắng phủ nhựa PU một mặt, xuất xứ Trung Quốc, có nhãn phụ ghi không đủ nội dung | Kg          | 1.870    | 35.000    | 65.450.000         |

|             |                                                                |                                                                     |     |       |           |                   |
|-------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----|-------|-----------|-------------------|
| 3           |                                                                | Già da, không nhãn hiệu                                             | Kg  | 1.090 | 126.000   | 137.340.000       |
| <b>VII</b>  | <b>LÔ 7</b>                                                    |                                                                     |     |       |           | <b>31.885.000</b> |
| 1           | Quyết định số 03/QĐ-TT ngày 07/01/2022 của Cục QLTT            | Mô hình Bearbrick hiệu Illumination Minions, made in China          | Cái | 4     | 7.000.000 | 28.000.000        |
| 3           | Quyết định số 02/QĐ-TT ngày 27/01/2022 của Đội QLTT số 1       | Bo mạch điện tử, Made in Chi na                                     | Cái | 41    | 35.000    | 1.435.000         |
| 4           |                                                                | Mạch linh kiện điện tử , Nhãn hiệu nước ngoài                       | Cái | 350   | 7.000     | 2.450.000         |
| <b>VIII</b> | <b>LÔ 8</b>                                                    |                                                                     |     |       |           | <b>19.789.000</b> |
| 1           | Quyết định số 39040003/QĐ-TT ngày 18/02/2022 của Đội QLTT số 4 | Chuột máy tính hiệu Banda G102, made in China                       | cái | 48    | 56.000    | 2.688.000         |
| 2           |                                                                | Máy tính hiệu Electronic DS- 480 , made in China                    | cái | 5     | 84.000    | 420.000           |
| 3           |                                                                | Dây cáp sạc hiệu hoco U70 Anti-bending, made in china               | sợi | 5     | 21.000    | 105.000           |
| 4           |                                                                | Đèn đội 5 bóng made in china, nhãn ghi ngôn ngữ nước ngoài          | cái | 5     | 35.000    | 175.000           |
| 5           |                                                                | Bộ chuyển tín hiệu âm thanh hiệu Netbox HT2, made in P.R.C          | cái | 30    | 66.500    | 1.995.000         |
| 6           |                                                                | Chuột máy tính hiệu Dell MS111, made in China                       | cái | 5     | 38.500    | 192.500           |
| 7           |                                                                | Cân tiểu ly loại 200g, hiệu PS201 Pocket scale                      | cái | 5     | 52.500    | 262.500           |
| 8           |                                                                | Máy sấy tóc hiệu Panasonni, model: 5528, không rõ nguồn gốc xuất xứ | cái | 5     | 49.000    | 245.000           |
| 9           |                                                                | Loa karaoke kèm mic hiệu YS A35, made in China                      | cái | 10    | 350.000   | 3.500.000         |
| 10          |                                                                | Ấm siêu nấu thuốc hiệu Fairy, không rõ nguồn gốc                    | cái | 3     | 105.000   | 315.000           |
| 11          |                                                                | Loa vi tính hiệu Boston T3900- BT, made in P.R.C                    | bộ  | 3     | 665.000   | 1.995.000         |
| 12          |                                                                | Chuông cửa hiệu Doorbell, made in china                             | cái | 10    | 56.000    | 560.000           |
| 13          |                                                                | Loa cắm thẻ USB hiệu BKK B872, không rõ nguồn gốc                   | cái | 10    | 84.000    | 840.000           |
| 14          |                                                                | Máy làm bắp rang bơ hiệu SOKANY RH 288, made in china               | cái | 1     | 231.000   | 231.000           |
| 15          |                                                                | Đèn led hiệu SCHLEIDER SLD-LM30, công suất 82W                      | cái | 7     | 315.000   | 2.205.000         |
| 16          |                                                                | Chỉ cuộn không rõ nguồn gốc                                         | kg  | 145   | 28.000    | 4.060.000         |
| <b>IX</b>   | <b>LÔ 9</b>                                                    |                                                                     |     |       |           | <b>57.176.000</b> |

|          |                                                           |                                                                                    |      |       |           |                    |
|----------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|-------|-----------|--------------------|
| 1        | Quyết định số 19/QĐ-TT ngày 27/01/2022 của Cục QLTT       | Chất bôi trơn đa dụng, hiệu Selleys RP7, made in Thailand, loại 350g (493ml)       | Chai | 336   | 17.500    | 5.880.000          |
| 2        |                                                           | Chất bôi trơn đa dụng, hiệu Selleys RP7, made in Thailand, loại 175g (247ml)       | Chai | 144   | 14.000    | 2.016.000          |
| 3        |                                                           | Quần jeans các loại (trẻ em), ngôn ngữ nước ngoài                                  | Cái  | 30    | 21.000    | 630.000            |
| 4        |                                                           | Mũi đục, không nhãn hiệu                                                           | Cái  | 20    | 10.500    | 210.000            |
| 5        |                                                           | Dây hơi, hiệu Eagleflex Superior Hose, made in Korea                               | Cuộn | 1     | 210.000   | 210.000            |
| 6        |                                                           | Lò xo, không nhãn hiệu                                                             | Cái  | 10    | 7.000     | 70.000             |
| 7        | Quyết định số 39000005/QĐ-TT ngày 15/02/2022 của Cục QLTT | Bình giữ nhiệt, hiệu Led, do nước ngoài sản xuất, loại 500ml                       | Cái  | 90    | 28.000    | 2.520.000          |
| 8        |                                                           | Máy lọc nước, hiệu Canaan, made in China                                           | Cái  | 10    | 2.800.000 | 28.000.000         |
| 9        |                                                           | Pát, hiệu GYMEK                                                                    | Cái  | 20    | 105.000   | 2.100.000          |
| 10       |                                                           | Bản lề, hiệu GYMEK GM 114B                                                         | Cái  | 20    | 630.000   | 12.600.000         |
| 11       |                                                           | Con sò Φ 25, hiệu GYMEK GM 311B                                                    | Cái  | 28    | 105.000   | 2.940.000          |
| <b>X</b> | <b>LÔ 10</b>                                              |                                                                                    |      |       |           | <b>208.915.000</b> |
| 1        | Quyết định số 01/QĐ-TT ngày 04/01/2022 của Cục QLTT       | Lưỡi cắt Hiệu B52, Diamond Wheel, Ngôn ngữ nước ngoài                              | Cái  | 587   | 35.000    | 20.545.000         |
| 2        |                                                           | Lưỡi cắt Hiệu B52, Cutting Wheel, Ngôn ngữ nước ngoài (100 cái = 1 hộp)            | Cái  | 2.400 | 35.000    | 84.000.000         |
| 3        |                                                           | Lưỡi cắt hiệu HD, Profesional Cutting Wheel, Ngôn ngữ nước ngoài ( 10 cái = 1 hộp) | Cái  | 1.520 | 35.000    | 53.200.000         |
| 4        |                                                           | Lưỡi cắt hiệu Vinpro, Ngôn ngữ nước ngoài                                          | Cái  | 300   | 49.000    | 14.700.000         |
| 5        |                                                           | Lưỡi cắt Hiệu Hotssman, ngôn ngữ nước ngoài                                        | Cái  | 180   | 49.000    | 8.820.000          |
| 6        |                                                           | Lưỡi cắt hiệu B52, 350x2.5.25.4mm, MP7073-CT, ngôn ngữ nước ngoài                  | Cái  | 180   | 21.000    | 3.780.000          |
| 7        |                                                           | Trục Vít hiệu Corolla, ngôn ngữ nước ngoài                                         | Cái  | 230   | 7.000     | 1.610.000          |
| 8        |                                                           | Trục Vít hiệu Crossman, 6x100mm                                                    | Cái  | 200   | 9.800     | 1.960.000          |
| 9        |                                                           | Trục Vít hiệu Crossman, 6x150mm                                                    | Cái  | 230   | 9.800     | 2.254.000          |
| 10       |                                                           | Kiểm hiệu Unity                                                                    | Cái  | 100   | 10.500    | 1.050.000          |

|           |                                                           |                                                                      |     |     |         |                   |
|-----------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----|-----|---------|-------------------|
| 11        |                                                           | Dụng cụ khò lửa Flame gun No: 920                                    | Cái | 100 | 21.000  | 2.100.000         |
| 12        |                                                           | Búa Hiệu HD Starex                                                   | Cái | 32  | 28.000  | 896.000           |
| 13        | Quyết định số 22/QĐ-TT ngày 28/01/2022 của Cục QLTT       | Phít tu lợ, hiệu Aeropro F-75G, nhãn hiệu nước ngoài                 | Bộ  | 40  | 70.000  | 2.800.000         |
| 14        |                                                           | Bình tu lợ, hiệu Meite PC-4, G318, loại 400ml, nhãn hiệu nước ngoài, | Cái | 6   | 21.000  | 126.000           |
| 15        |                                                           | Bình tu lợ, hiệu Meite PC-2, G1/4, loại 600ml, nhãn hiệu nước ngoài  | Cái | 6   | 28.000  | 168.000           |
| 16        |                                                           | Phít tu lợ, hiệu Meite MT-W101, nhãn hiệu nước ngoài                 | Cái | 6   | 35.000  | 210.000           |
| 17        |                                                           | Phít tu lợ, hiệu Meite MT-W71, nhãn hiệu nước ngoài                  | Cái | 6   | 42.000  | 252.000           |
| 18        |                                                           | Cưa sếp, Utility Saw, 270mm, A0392                                   | Cái | 54  | 49.000  | 2.646.000         |
| 19        |                                                           | Đá mài, hiệu C-Mart tools, E0026-08,                                 | Cái | 30  | 7.000   | 210.000           |
| 20        |                                                           | Cưa gỗ cầm tay, loại 350mm, BC0038                                   | Cái | 36  | 105.000 | 3.780.000         |
| 21        |                                                           | Đầu bắn tôn, hiệu Magnetic Nut Setters, 13x48mm F0043A               | cái | 74  | 7.000   | 518.000           |
| 22        |                                                           | Bộ vít đóng, hiệu C-Mart, C0029                                      | Bộ  | 6   | 84.000  | 504.000           |
| 23        |                                                           | Vít đóng, hiệu C-Mart, C0033-8.0200A                                 | Cái | 12  | 21.000  | 252.000           |
| 24        |                                                           | Thuốc lỗ ban, hiệu C-Mart, loại 10M D0005-1025-LB                    | Cái | 48  | 21.000  | 1.008.000         |
| 25        |                                                           | Bơm tay cam có đồng hồ, hiệu C-Mart, L0004                           | Cái | 10  | 77.000  | 770.000           |
| 26        |                                                           | Đục máy nhọn, hiệu C-Mart, A0982-17                                  | Cái | 72  | 10.500  | 756.000           |
| <b>XI</b> | <b>LÔ 11</b>                                              |                                                                      |     |     |         | <b>31.638.600</b> |
| 1         | Quyết định số 1857/QĐ-TTHTV ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh | Đu nhíp trước, Made in China                                         | cái | 40  | 31.500  | 1.260.000         |
| 2         |                                                           | Bầu lọc kê trước, Made in China                                      | cái | 4   | 189.000 | 756.000           |
| 3         |                                                           | Rotuyn 30x20 con lay hộp vàng, Made in China                         | cái | 48  | 157.500 | 7.560.000         |
| 4         |                                                           | Đèn sau Beco, ngôn ngữ nước ngoài                                    | cái | 6   | 189.000 | 1.134.000         |
| 5         |                                                           | Tay kéo, ngôn ngữ nước ngoài                                         | cái | 6   | 12.600  | 75.600            |
| 6         |                                                           | Van H đôi (VDS-S230-NG8), ngôn ngữ nước ngoài                        | cái | 6   | 63.000  | 378.000           |
| 7         |                                                           | Bạc xe ô tô, ngôn ngữ nước ngoài                                     | cái | 10  | 18.900  | 189.000           |
| 8         |                                                           | Con dấu dầu bánh sau, ngôn ngữ nước ngoài                            | cái | 10  | 44.100  | 441.000           |
| 9         | Quyết định số 05/QĐ-TT ngày 27/01/2022 của                | Cần xe ô tô                                                          | Cái | 3   | 210.000 | 630.000           |
| 10        |                                                           | Mặt nạ xe ô tô (lưới cần)                                            | Cái | 1   | 126.000 | 126.000           |

|            |                                                                |                                                    |      |     |         |                      |
|------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------|-----|---------|----------------------|
| 11         | Đội QLTT số 1                                                  | Phụ tùng thân xe ô tô bằng nhựa, hiệu Inner Fender | Cái  | 14  | 210.000 | 2.940.000            |
| 12         |                                                                | Khung cửa xe ô tô                                  | Cái  | 1   | 350.000 | 350.000              |
| 13         |                                                                | Ốp trước xe ô tô                                   | Cái  | 2   | 140.000 | 280.000              |
| 14         |                                                                | Ốp sườn xe ô tô bằng nhựa                          | Cái  | 2   | 140.000 | 280.000              |
| 15         |                                                                | Đèn xe ô tô, hiệu Casp, Made in China              | Cái  | 3   | 280.000 | 840.000              |
| 16         |                                                                | Gioang xe ô tô, Hiệu Innova                        | Cái  | 16  | 14.000  | 224.000              |
| 17         | Quyết định số 39010003/QĐ-TT ngày 08/02/2022 của Đội QLTT số 1 | Ga lạnh ô tô, hiệu SK Receiver Driver              | Cái  | 25  | 35.000  | 875.000              |
| 18         |                                                                | Công tắc, hiệu NEK,                                | Cái  | 20  | 17.500  | 350.000              |
| 19         |                                                                | Buli, hiệu AAA – 6203                              | Cái  | 20  | 49.000  | 980.000              |
| 20         |                                                                | Rơ le, Hiệu Receiver Driver,                       | Cái  | 5   | 35.000  | 175.000              |
| 21         |                                                                | Bình sạc ga, hiệu Klea 134a                        | Cái  | 1   | 595.000 | 595.000              |
| 22         |                                                                | Béc phun gas hàn. Hiệu Fujik oki Thailan           | Cái  | 20  | 140.000 | 2.800.000            |
| 23         | Quyết định số 39010003/QĐ-TT ngày 08/02/2022 của Đội QLTT số 1 | Két nước ô tô, hiệu HBS-P092914x23x20              | Cái  | 5   | 700.000 | 3.500.000            |
| 24         |                                                                | Két nước ô tô , hiệu EVAPORATOR GENUINE PARTS      | Cái  | 1   | 700.000 | 700.000              |
| 25         |                                                                | Két nước ô tô, hiệu EVAPORATOR HBS P07622          | Cái  | 1   | 700.000 | 700.000              |
| 26         |                                                                | Két nước ô tô, hiệu Condenser Genuine Parts,       | Cái  | 1   | 700.000 | 700.000              |
| 27         |                                                                | Két nước ô tô, hiệu EVAPORATOR 97139-1-yooo        | Cái  | 1   | 700.000 | 700.000              |
| 28         |                                                                | Két nước ô tô, hiệu EVAPORATOR 97139-B9ooo         | Cái  | 1   | 700.000 | 700.000              |
| 29         |                                                                | Két nước ô tô, hiệu Condenser 97606-1yooo,         | Cái  | 1   | 700.000 | 700.000              |
| 30         |                                                                | Két nước ô tô, hiệu Condenser HBS P07622,          | Cái  | 1   | 700.000 | 700.000              |
| <b>XII</b> | <b>LÔ 12</b>                                                   |                                                    |      |     |         | <b>1.061.552.020</b> |
| 1          | Quyết định số 1857/QĐ-TTHTTV ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh     | Đầm nữ các loại, ngôn ngữ nước ngoài               | cái  | 285 | 31.500  | 8.977.500            |
| 2          |                                                                | Áo thun nam (màu đen), ngôn ngữ nước ngoài         | cái  | 128 | 12.600  | 1.612.800            |
| 3          |                                                                | Quần lửng nam các loại, ngôn ngữ nước ngoài        | cái  | 160 | 12.600  | 2.016.000            |
| 4          |                                                                | Áo các loại, ngôn ngữ nước ngoài                   | cái  | 20  | 18.900  | 378.000              |
| 5          | Quyết định số 1988/QĐ-TTHTTV ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh     | Máy đẩy tinh chất, BYQ, ngôn ngữ nước ngoài        | Cái  | 90  | 63.000  | 5.670.000            |
| 6          |                                                                | Keo chống thấm, Water Proof Tape Paste             | Cuộn | 18  | 12.600  | 226.800              |

|    |                                                                |                                                            |     |       |         |            |
|----|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----|-------|---------|------------|
| 7  |                                                                | Bàn ủi hơi nước, Sokany, made in China                     | Cái | 70    | 182.700 | 12.789.000 |
| 8  |                                                                | Mô tơ cửa cuốn+ phụ kiện, type YH-500, ngôn ngữ nước ngoài | Cái | 5     | 945.000 | 4.725.000  |
| 9  |                                                                | Bộ quần áo các loại, nhãn không đủ                         | Bộ  | 120   | 50.400  | 6.048.000  |
| 10 |                                                                | Vớ chân, made in China                                     | Đôi | 200   | 2.520   | 504.000    |
| 11 |                                                                | Vớ chân da, ngôn ngữ nước ngoài                            | Đôi | 1.000 | 2.520   | 2.520.000  |
| 12 |                                                                | Tất chân, không nhãn                                       | Đôi | 1.400 | 2.520   | 3.528.000  |
| 13 | Quyết định số 39000001/QĐ-TT ngày 09/02/2022 của Cục QLTT      | Áo len nhãn hiệu nước ngoài                                | Cái | 47    | 35.000  | 1.645.000  |
| 14 |                                                                | Quần len dài nhãn hiệu nước ngoài                          | Cái | 4     | 28.000  | 112.000    |
| 15 |                                                                | Áo các loại nhãn hiệu nước ngoài                           | Cái | 27    | 21.000  | 567.000    |
| 16 |                                                                | Quần dài nhãn hiệu nước ngoài                              | Cái | 5     | 70.000  | 350.000    |
| 17 |                                                                | Áo thun nhãn hiệu nước ngoài                               | Cái | 12    | 21.000  | 252.000    |
| 18 |                                                                | Quần thun nhãn hiệu nước ngoài                             | Cái | 45    | 35.000  | 1.575.000  |
| 19 |                                                                | Quần Jeans nhãn hiệu nước ngoài                            | Cái | 100   | 70.000  | 7.000.000  |
| 20 | Quyết định số 03/QĐ-TT ngày 27/01/2022 của Đội QLTT số 1       | Áo các loại Không nhãn hiệu                                | Cái | 290   | 14.000  | 4.060.000  |
| 21 |                                                                | Áo các loại Do Việt Nam sản xuất                           | Cái | 50    | 7.000   | 350.000    |
| 22 |                                                                | Áo các loại Nhãn hiệu nước ngoài                           | Cái | 62    | 21.000  | 1.302.000  |
| 23 |                                                                | Quần dài thun Nhãn hiệu nước ngoài                         | Cái | 50    | 21.000  | 1.050.000  |
| 24 |                                                                | Quần dài các loại Nhãn hiệu nước ngoài                     | Cái | 40    | 21.000  | 840.000    |
| 25 | Quyết định số 39010001/QĐ-TT ngày 07/02/2022 của Đội QLTT số 1 | Quần Jeans, hiệu HL Origin Vietnam                         | Cái | 125   | 91.000  | 11.375.000 |
| 26 | Quyết định số 05/QĐ-TT ngày 27/01/2022 của Đội QLTT số 1       | Quần dài các loại, do Việt Nam sản xuất                    | Cái | 417   | 21.000  | 8.757.000  |
| 27 |                                                                | Áo các loại, do Việt Nam sản xuất                          | Cái | 758   | 14.000  | 10.612.000 |
| 28 | 358/QĐ-TTVP ngày 12/03/2021                                    | Túi xách Ghilli made in Italy                              | Cái | 1     | 64.000  | 64.000     |
| 29 |                                                                | Túi xách không nhãn hiệu                                   | Cái | 1     | 64.000  | 64.000     |
| 30 |                                                                | Giày nam made in India                                     | Đôi | 3     | 128.000 | 384.000    |
| 31 |                                                                | Giày nữ Louboutin made in Italy                            | Đôi | 4     | 96.000  | 384.000    |
| 32 |                                                                | Giày trẻ em Suia Baby không rõ xuất xứ                     | Đôi | 17    | 96.000  | 1.632.000  |

|    |                                  |                                                              |     |     |        |           |
|----|----------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----|-----|--------|-----------|
| 33 |                                  | Giày trẻ em Tabeini                                          | Đôi | 3   | 96.000 | 288.000   |
| 34 |                                  | Giày nữ Babi không rõ xuất xứ                                | Đôi | 5   | 64.000 | 320.000   |
| 35 |                                  | Dép Jiamnni không rõ xuất xứ                                 | Đôi | 3   | 44.800 | 134.400   |
| 36 |                                  | Bộ đồ trẻ em các loại                                        | Bộ  | 70  | 12.800 | 896.000   |
| 37 |                                  | Yếm Jean trẻ em                                              | Cái | 7   | 19.200 | 134.400   |
| 38 |                                  | Áo trẻ em                                                    | Cái | 7   | 9.600  | 67.200    |
| 39 |                                  | Bộ áo váy trẻ em                                             | bộ  | 7   | 38.400 | 268.800   |
| 40 |                                  | Quần Jean nữ                                                 | Cái | 6   | 32.000 | 192.000   |
| 41 |                                  | Bộ đồ người lớn (thun lông)                                  | Bộ  | 25  | 19.200 | 480.000   |
| 42 |                                  | Đầm nữ                                                       | Cái | 25  | 51.200 | 1.280.000 |
| 43 |                                  | Bộ đồ nữ người lớn (vải)                                     | Bộ  | 140 | 38.400 | 5.376.000 |
| 44 | 450/QĐ-TTTPVT<br>ngày 25/03/2021 | Áo khoác hiệu Tommy made in Vietnam                          | Cái | 143 | 60.000 | 8.580.000 |
| 45 |                                  | Áo khoác made in Vietnam                                     | Cái | 20  | 24.000 | 480.000   |
| 46 |                                  | Áo khoác không nhãn hiệu                                     | Cái | 70  | 48.000 | 3.360.000 |
| 47 |                                  | Áo khoác nữ các loại các hiệu (Top, Style) Việt Nam sản xuất | Cái | 15  | 60.000 | 900.000   |
| 48 |                                  | Áo khoác nữ không nhãn hiệu                                  | Cái | 30  | 48.000 | 1.440.000 |
| 49 |                                  | Áo đầm các loại các hiệu (H&M, Zara, Basic, Asos, Dorothea)  | Cái | 272 | 36.000 | 9.792.000 |
| 50 |                                  | Áo đầm nhãn tiếng nước ngoài                                 | Cái | 10  | 36.000 | 360.000   |
| 51 |                                  | Áo đầm made in Vietnam                                       | Cái | 80  | 36.000 | 2.880.000 |
| 52 |                                  | Áo sơ mi nữ nhãn tiếng nước ngoài                            | Cái | 30  | 24.000 | 720.000   |
| 53 |                                  | Áo sơ mi hiệu Vacci                                          | Cái | 50  | 24.000 | 1.200.000 |
| 54 |                                  | Áo sơ mi hiệu Top shop                                       | Cái | 20  | 24.000 | 480.000   |
| 55 |                                  | Áo len ngắn tay không nhãn hiệu                              | Cái | 5   | 15.000 | 75.000    |
| 56 |                                  | Áo lót nữ không nhãn hiệu                                    | Cái | 10  | 6.000  | 60.000    |
| 57 |                                  | Áo cooc xê hiệu Fashion                                      | Cái | 20  | 12.000 | 240.000   |
| 58 |                                  | Quần sọt trẻ em không nhãn hiệu                              | Cái | 20  | 12.000 | 240.000   |
| 59 |                                  | Quần dài hiệu Karenmilan                                     | Cái | 50  | 36.000 | 1.800.000 |
| 60 |                                  | Quần dài hiệu CN Protection                                  | Cái | 15  | 36.000 | 540.000   |
| 61 |                                  | Quần dài nhãn tiếng nước ngoài                               | Cái | 59  | 36.000 | 2.124.000 |
| 62 |                                  | Quần thun Labijou                                            | Cái | 50  | 15.000 | 750.000   |
| 63 |                                  | Quần lót nữ không nhãn hiệu                                  | Cái | 20  | 1.800  | 36.000    |

|    |                                                                    |                                                                 |     |      |        |           |
|----|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----|------|--------|-----------|
| 64 |                                                                    | Váy ngắn hiệu Top shop                                          | Cái | 90   | 36.000 | 3.240.000 |
| 65 |                                                                    | Áo sơ mi không nhãn hiệu                                        | Cái | 45   | 24.000 | 1.080.000 |
| 66 |                                                                    | Bộ đồ nữ hiệu Cache                                             | Cái | 20   | 24.000 | 480.000   |
| 67 |                                                                    | Áo thun nữ không nhãn hiệu                                      | Cái | 80   | 18.000 | 1.440.000 |
| 68 |                                                                    | Bộ áo dài made in Vietnam                                       | Cái | 145  | 48.000 | 6.960.000 |
| 69 |                                                                    | Tất trẻ em made in China                                        | Đôi | 940  | 600    | 564.000   |
| 70 |                                                                    | Yếm trẻ em made in China                                        | Cái | 30   | 9.000  | 270.000   |
| 71 | 00011449/ QĐ-TTTPVT ngày 19/02/2021                                | Bóp (vi) trẻ em các loại không nhãn                             | Cái | 650  | 6.480  | 4.212.000 |
| 72 | 00010666/ QĐ-TTTPVT ngày 12/01/2021                                | Cuộn màng nhựa PE không nhãn hiệu                               | kg  | 325  | 18.000 | 5.850.000 |
| 73 |                                                                    | Bao bì nhựa PE nhãn ngôn ngữ nước ngoài                         | cái | 362  | 14.400 | 5.212.800 |
| 74 | Quyết định số 00010878/QĐ-TTHTTV ngày 02/12/2021 của Cục QLTT      | Khăn lau mặt, ngôn ngữ nước ngoài                               | Cái | 380  | 3.400  | 1.292.000 |
| 75 |                                                                    | Khăn lau bếp, không nhãn                                        | Cái | 1000 | 680    | 680.000   |
| 76 |                                                                    | Tu lơ hiệu Tokyo S-710G, ngôn ngữ nước ngoài                    | Cái | 24   | 47.600 | 1.142.400 |
| 77 |                                                                    | Dụng cụ bắt vít TCK, ngôn ngữ NN                                | Cái | 10   | 47.600 | 476.000   |
| 78 |                                                                    | Dụng cụ xịt nước không nhãn hiệu                                | Cái | 18   | 20.400 | 367.200   |
| 79 |                                                                    | Tụ điện 400 VAC 50/60HZ 60μF                                    | Cái | 100  | 13.600 | 1.360.000 |
| 80 |                                                                    | Vòng bi KBC, made in Korea                                      | Cái | 80   | 17.000 | 1.360.000 |
| 81 |                                                                    | Vòng bi RBI, made in PRC                                        | Cái | 35   | 13.600 | 476.000   |
| 82 |                                                                    | Lọc bỏ hiệu Yasaka A6010, ngôn ngữ nước ngoài                   | Cái | 6    | 81.600 | 489.600   |
| 83 |                                                                    | Lọc gió hiệu Yasaka-1007, ngôn ngữ nước ngoài                   | Cái | 10   | 20.400 | 204.000   |
| 84 |                                                                    | Lọc dầu hiệu Yasaka-FC1703, ngôn ngữ nước ngoài                 | Cái | 23   | 20.400 | 469.200   |
| 85 | Quyết định số 00010736/QĐ-TTHTTV ngày 05/12/2021 của Đội QLTT số 1 | Đép trẻ em các loại, ngôn ngữ nước ngoài                        | Đôi | 210  | 7.200  | 1.512.000 |
| 86 |                                                                    | Đép người lớn các loại, ngôn ngữ nước ngoài                     | Đôi | 533  | 8.640  | 4.605.120 |
| 87 |                                                                    | Đép kẹp nhựa người lớn các loại, ngôn ngữ nước ngoài            | Đôi | 50   | 8.640  | 432.000   |
| 88 |                                                                    | Kéo bằng kim loại các loại, hiệu ZhaoSheng, ngôn ngữ nước ngoài | Cái | 120  | 14.400 | 1.728.000 |
| 89 |                                                                    | Kéo bằng kim loại các loại, Jielanshi, made in China            | Cái | 250  | 12.960 | 3.240.000 |
| 90 |                                                                    | Bào rau củ quả, made in China                                   | Cái | 200  | 3.600  | 720.000   |
| 91 |                                                                    | Dao các loại, hiệu Kiwi, ngôn ngữ nước ngoài                    | Cái | 960  | 5.760  | 5.529.600 |

|     |                                                                    |                                                                              |       |     |           |            |
|-----|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----------|------------|
| 92  | Quyết định số 00010737/QĐ-TTHTTV ngày 05/12/2021 của Đội QLTT số 1 | Giấy cuộn, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                        | Kg    | 352 | 7.600     | 2.675.200  |
| 93  | Quyết định số 00010738/QĐ-TTHTTV ngày 05/12/2021 của Đội QLTT số 1 | Vải sợi không nhãn hiệu                                                      | Kg    | 65  | 64.800    | 4.212.000  |
| 94  | Quyết định số 00010739/QĐ-TTHTTV ngày 05/12/2021 của Đội QLTT số 1 | Tấm xe máy các loại                                                          | Bộ    | 79  | 14.400    | 1.137.600  |
| 95  |                                                                    | Lớp phủ bảo vệ gốc Polyurethane, loại 2,8611-Korse                           | Can   | 10  | 288.000   | 2.880.000  |
| 96  |                                                                    | Lớp phủ bảo vệ gốc Polyurethane, loại 14,1411-Korse                          | Can   | 10  | 1.368.000 | 13.680.000 |
| 97  | Quyết định số 00010740/QĐ-TTHTTV ngày 13/12/2021 của Đội QLTT số 1 | Phút Tu lơ hiệu Yomaka Spray Gun                                             | Bộ    | 20  | 50.400    | 1.008.000  |
| 98  |                                                                    | Cân thủy LS+ 9" Torpedo Level                                                | Cái   | 180 | 10.800    | 1.944.000  |
| 99  |                                                                    | Cân thủy Heavy- Duty Aluminun Level 500- LS400311; 60-LS400312; 400-LS400310 | Cái   | 90  | 21.600    | 1.944.000  |
| 100 |                                                                    | Tua vít hiệu LS400501, 6 x150mm                                              | Cái   | 120 | 14.400    | 1.728.000  |
| 101 |                                                                    | Kìm cắt hiệu LS=Mini Pliers                                                  | Cái   | 110 | 18.000    | 1.980.000  |
| 102 |                                                                    | Bình mực in các loại, hiệu Legend, ngôn ngữ nước ngoài                       | Cái   | 65  | 64.800    | 4.212.000  |
| 103 | Quyết định số 00010880/QĐ-TTHTTV ngày 23/12/2021 của Cục QLTT      | Mực in các loại, hiệu Refill Ink, ngôn ngữ nước ngoài                        | Chai  | 15  | 14.400    | 216.000    |
| 104 |                                                                    | Đèn Led, hiệu Bulb, loại 20W                                                 | Cái   | 20  | 39.600    | 792.000    |
| 105 |                                                                    | Đèn Led, loại 40W, ngôn ngữ nước ngoài                                       | Cái   | 40  | 50.400    | 2.016.000  |
| 106 |                                                                    | Máy xịt khử khuẩn, hiệu K5, Made in China                                    | Cái   | 20  | 216.000   | 4.320.000  |
| 107 |                                                                    | Nồi chiên không dầu, hiệu Air Fryer 2.8L, ngôn ngữ nước ngoài                | Cái   | 8   | 288.000   | 2.304.000  |
| 108 |                                                                    | Máy xay sinh tố, hiệu Silver Crest Blender                                   | Cái   | 20  | 180.000   | 3.600.000  |
| 109 |                                                                    | Quạt sưởi, hiệu Room Heater, TCL                                             | Cái   | 2   | 288.000   | 576.000    |
| 110 |                                                                    | Máy xay thực phẩm, hiệu Food Processor 2L                                    | Cái   | 9   | 72.000    | 648.000    |
| 111 |                                                                    | Nồi chiên không dầu các loại, hiệu Camel, made in China                      | Cái   | 110 | 204.000   | 22.440.000 |
| 112 | Quyết định số 00010882/QĐ-TTHTTV ngày 31/12/2021 của Cục QLTT      | Ca hấp, hiệu Electric Stewing Pot, loại 18cm                                 | Cái   | 45  | 47.600    | 2.142.000  |
| 113 |                                                                    | Xe đẩy trẻ em, hiệu Tricycle, made in China                                  | Chiếc | 16  | 204.000   | 3.264.000  |

|     |                                                                    |                                                                                                   |                                          |       |           |            |
|-----|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------|-----------|------------|
| 114 | Quyết định số 00011639/QĐ-TTHTTV ngày 29/12/2021 của Đội QLTT số 1 | Quần áo trẻ em các loại hiệu K.WOO made in China                                                  | Bộ                                       | 1.226 | 13.600    | 16.673.600 |
| 115 | Quyết định số 06/QĐ-TT ngày 27/01/2022 của Đội QLTT số 1           | Xe mô tô 3 bánh, hiệu Yin xiang, số máy: 164ML-21M010700 (Chưa rõ phải số nguyên thủy hay không). | Chiếc (Tính theo giá bán phế liệu 8.000) | 1     | 7.000.000 | 7.000.000  |
| 116 | Quyết định số 39010002/QĐ-TT ngày 07/02/2022 của Đội QLTT số 1     | Máy điều hòa đã qua sử dụng, hiệu Mitsubishi Mã MUZ-SV289; MUZ-SS5089; MUZ-J287; MUZ-BXV560S      | Cái                                      | 4     | 1.000.000 | 4.000.000  |
| 117 |                                                                    | Máy phát điện đã qua sử dụng, hiệu IDG3100M INVERTER                                              | Cái                                      | 3     | 5.600.000 | 16.800.000 |
| 118 | Quyết định số 39040002/QĐ-TT ngày 18/02/2022 của Đội QLTT số 4     | Giấy nhám, không rõ nơi sản xuất                                                                  | Kg                                       | 100   | 29.400    | 2.940.000  |
| 119 |                                                                    | Giấy nhám, hiệu DEERFOS không rõ nơi sản xuất                                                     | Hộp                                      | 20    | 70.000    | 1.400.000  |
| 120 | Quyết định số 04/QĐ-TT ngày 27/01/2022 của Đội QLTT số 1           | Nồi Inox các loại, nhãn không đủ                                                                  | Cái                                      | 50    | 28.000    | 1.400.000  |
| 121 |                                                                    | Bộ lau nhà, nhãn không đủ                                                                         | Bộ                                       | 20    | 42.000    | 840.000    |
| 122 |                                                                    | Cây gạt nước (chổi gạt), nhãn không đủ                                                            | Cây                                      | 70    | 7.000     | 490.000    |
| 123 |                                                                    | Cây lau nhà, nhãn không đủ                                                                        | cây                                      | 40    | 3.500     | 140.000    |
| 124 | Quyết định số 39000002/QĐ-TT ngày 09/02/2022 của Cục QLTT          | Dây cước, không nhãn hiệu                                                                         | Kg                                       | 297   | 35.000    | 10.395.000 |
| 125 |                                                                    | Dây thắt lưng không mặt, không nhãn hiệu                                                          | Dây                                      | 600   | 14.000    | 8.400.000  |
| 126 | Quyết định số 19/QĐ-TT ngày 27/01/2022 của Cục QLTT                | Bình ắc quy, Hiệu Yamato 6-DPB-30, ngôn ngữ nước ngoài                                            | Bình                                     | 15    | 175.000   | 2.625.000  |
| 127 |                                                                    | Áo thun các loại, Ngôn ngữ nước ngoài                                                             | Cái                                      | 135   | 10.500    | 1.417.500  |
| 128 |                                                                    | Đục hơi G10, hiệu Kaishan, ngôn ngữ nước ngoài                                                    | Cái                                      | 2     | 560.000   | 1.120.000  |
| 129 |                                                                    | Đục hơi G20, hiệu Kaishan, ngôn ngữ nước ngoài                                                    | Cái                                      | 1     | 1.050.000 | 1.050.000  |
| 130 | Quyết định số 39000005/QĐ-TT ngày 15/02/2022 của Cục QLTT          | Vải sợi các loại, không nhãn hiệu                                                                 | kg                                       | 162   | 17.500    | 2.835.000  |
| 131 |                                                                    | Lọc không khí, hiệu Fusheng                                                                       | Cái                                      | 4     | 280.000   | 1.120.000  |
| 132 | Quyết định số 01/QĐ-TT ngày 04/01/2022 của                         | Lưỡi cưa hiệu Makita, Ngôn ngữ nước ngoài, 180mmx254mm, P-67007                                   | Cái                                      | 100   | 31.500    | 3.150.000  |

|     |                                                                |                                                                     |       |       |         |           |
|-----|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------|-------|---------|-----------|
| 133 | Cục QLTT                                                       | Lưỡi cưa hiệu Makita, Ngôn ngữ nước ngoài, 230, P-67937             | Cái   | 45    | 49.000  | 2.205.000 |
| 134 |                                                                | Lưỡi cưa hiệu Gushi, 300mm, Ngôn ngữ nước ngoài                     | Cái   | 24    | 49.000  | 1.176.000 |
| 135 |                                                                | Lưỡi cắt hiệu Hotssman, 110mm, ngôn ngữ nước ngoài (1 hộp = 10 cái) | Hộp   | 20    | 210.000 | 4.200.000 |
| 136 |                                                                | Mũi khoan hiệu The King, made in Japan                              | Cái   | 2.400 | 3.500   | 8.400.000 |
| 137 | Quyết định số 22/QĐ-TT ngày 28/01/2022 của Cục QLTT            | Máy bắn đinh, hiệu Meite Pneumatic Nailer, Made in China            | Cái   | 10    | 105.000 | 1.050.000 |
| 138 |                                                                | Kéo đa năng, hiệu Multi-Function Shears A0047-09, 225mm/9"          | Cái   | 72    | 28.000  | 2.016.000 |
| 139 |                                                                | Kéo cắt ống, hiệu Professional PiPe Cutter, A0104                   | Cái   | 30    | 49.000  | 1.470.000 |
| 140 |                                                                | Đầu nối vụn năng, hiệu C-Mart, M-006                                | Cái   | 240   | 3.500   | 840.000   |
| 141 |                                                                | Đầu nối nước, hiệu C-Mart, M-008240                                 | Cái   | 240   | 3.500   | 840.000   |
| 142 |                                                                | Máy mài góc, hiệu C-Mart Angle Grinder W0009-710                    | Cái   | 2     | 210.000 | 420.000   |
| 143 | Quyết định số 1857/QĐ-TTHTTV ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh     | Ti nhúng, ngôn ngữ nước ngoài                                       | cái   | 10    | 50.400  | 504.000   |
| 144 | Quyết định số 1908/QĐ-TTHTTV ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh     | Xe đạp đã qua sử dụng                                               | Chiếc | 11    | 94.500  | 1.039.500 |
| 145 | Quyết định số 39010005/QĐ-TT ngày 10/02/2022 của Đội QLTT số 1 | Baga xe máy HKP INOX                                                | Cái   | 20    | 14.000  | 280.000   |
| 146 |                                                                | Bộ chế hòa khí FJC                                                  | Cái   | 10    | 14.000  | 140.000   |
| 147 |                                                                | Giỏ xe máy, Honda                                                   | Cái   | 50    | 10.500  | 525.000   |
| 148 |                                                                | Gương chiếu hậu các loại, Nhãn không đủ                             | Cái   | 900   | 8.400   | 7.560.000 |
| 149 |                                                                | Tấm xe đạp, nhãn không đủ                                           | Bì    | 300   | 17.500  | 5.250.000 |
| 150 |                                                                | Trục xe máy các loại, không nhãn hiệu                               | Cái   | 60    | 10.500  | 630.000   |
| 151 |                                                                | Gương soi cầm tay, loại 53x50x38, ngôn ngữ nước ngoài               | Cái   | 1.600 | 2.520   | 4.032.000 |
| 152 |                                                                | Gương soi cầm tay, loại 53x36x37, ngôn ngữ nước ngoài               | Cái   | 720   | 3.150   | 2.268.000 |
| 153 |                                                                | Gương soi cầm tay, loại 53x44x45, ngôn ngữ nước ngoài               | Cái   | 900   | 3.780   | 3.402.000 |

|     |                                                               |                                                         |       |        |         |            |
|-----|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------|--------|---------|------------|
| 154 |                                                               | Gối hiệu Hilton                                         | Cái   | 440    | 15.750  | 6.930.000  |
| 155 |                                                               | Găng tay, ngôn ngữ nước ngoài                           | Đôi   | 360    | 6.300   | 2.268.000  |
| 156 |                                                               | Khăn các loại, Premium Hotel Towel, ngôn ngữ nước ngoài | Cái   | 880    | 5.040   | 4.435.200  |
| 157 | Quyết định số 03/QĐ-TT ngày 27/01/2022 của Hội QLTT số 1      | Giày các loại Nhãn hiệu nước ngoài                      | Đôi   | 110    | 28.000  | 3.080.000  |
| 158 |                                                               | Đép các loại Nhãn hiệu nước ngoài                       | Đôi   | 145    | 7.000   | 1.015.000  |
| 159 |                                                               | Quần đùi các loại Nhãn hiệu nước ngoài                  | Cái   | 190    | 7.000   | 1.330.000  |
| 160 |                                                               | Áo khoác các loại Nhãn hiệu nước ngoài                  | Cái   | 54     | 28.000  | 1.512.000  |
| 161 | Quyết định số 22/QĐ-TT ngày 28/01/2022 của Cục QLTT           | Tất chân các loại, made in Việt Nam                     | Đôi   | 10.447 | 1.400   | 14.625.800 |
| 162 | Quyết định số 1974/QĐ-TTHTV ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh     | Vòi tắm, hiệu Moen, ngôn ngữ nước ngoài                 | Bộ    | 3      | 31.500  | 94.500     |
| 163 | Quyết định số 39000001/QĐ-TT ngày 09/02/2022 của Cục QLTT     | Máy xay thực phẩm, hiệu Kitchen Expert, made in China   | Cái   | 50     | 63.000  | 3.150.000  |
| 164 |                                                               | Nồi 24cm, ngôn ngữ nước ngoài                           | Cái   | 50     | 105.000 | 5.250.000  |
| 165 |                                                               | Chảo các loại, không nhãn hiệu                          | Cái   | 94     | 105.000 | 9.870.000  |
| 166 |                                                               | Nồi chiên không dầu, hiệu Camel, nhãn hiệu nước ngoài   | Cái   | 80     | 210.000 | 16.800.000 |
| 167 | Quyết định số 39000004/QĐ-TT ngày 09/02/2022 của Cục QLTT     | Chảo, loại 32cm, Hiệu An Upgrade, made in China         | Cái   | 20     | 70.000  | 1.400.000  |
| 168 |                                                               | Dây điện trang trí, không nhãn hiệu                     | Sợi   | 30     | 14.000  | 420.000    |
| 169 |                                                               | Hộp dây cột tóc, không nhãn hiệu                        | Hộp   | 190    | 7.700   | 1.463.000  |
| 170 |                                                               | Dây cột tóc các loại, không nhãn hiệu                   | Bì    | 80     | 17.500  | 1.400.000  |
| 171 |                                                               | Gối hơi, hiệu Hilton                                    | Cái   | 50     | 17.500  | 875.000    |
| 172 |                                                               | Miếng dán tường, hiệu Fragrant Leaves                   | Miếng | 480    | 4.900   | 2.352.000  |
| 173 | Quyết định số 39010016/QĐ-TT ngày 20/5/2022 của Hội QLTT số 1 | Đường trắng hiệu KSJ, Product of Thailan                | Kg    | 2.000  | 15.000  | 30.000.000 |

|     |                                                                |                                                                            |     |       |           |             |
|-----|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----|-------|-----------|-------------|
| 174 | Quyết định số 39020001/QĐ-XP ngày 12/7/2022 của Đội QLTT số 2  | Đường kính do Thái lan sản xuất                                            | Kg  | 4.000 | 12.000    | 48.000.000  |
| 175 | Quyết định số 39020145/QĐ-XP ngày 03/11/2022 của Đội QLTT số 2 | Đường trắng                                                                | Kg  | 3.000 | 16.000    | 48.000.000  |
| 176 | Quyết định số 39020146/QĐ-XP ngày 04/11/2022 của Đội QLTT số 2 | Đường nâu                                                                  | Kg  | 1.500 | 16.000    | 24.000.000  |
| 177 | Quyết định số 03/QĐ-TT ngày 07/01/2022 của Cục QLTT            | Điện thoại di động đã qua sử dụng, hiệu Samsung A31                        | Cái | 10    | 1.050.000 | 10.500.000  |
| 178 | Quyết định số 02/QĐ-TT ngày 27/01/2022 của Đội QLTT số 1       | Tủ đựng xì gà, Hiệu Cohiba-BCC 50A                                         | Cái | 2     | 1.050.000 | 2.100.000   |
| 179 |                                                                | Tủ đựng xì gà, Hiệu Cohiba-A70                                             | Cái | 1     | 2.100.000 | 2.100.000   |
| 180 | Quyết định số 39000018/QĐ-TT ngày 15/7/2022 của Cục QLTT       | Tua vít các loại hiệu Bogo                                                 | Cái | 120   | 7.500     | 900.000     |
| 181 |                                                                | Tua vít các loại Hiệu Manshi                                               | Cái | 144   | 2.350     | 338.400     |
| 182 |                                                                | Ghế Size 920x400x460x440 mm, nhãn bằng tiếng nước ngoài                    | Cái | 22    | 200.000   | 4.400.000   |
| 183 | Quyết định số 39000022/QĐ-TT ngày 11/8/2022 của Cục QLTT       | Đầm nữ các loại, Hiệu AMBAS, MÃGH3031...                                   | Cái | 290   | 15.000    | 4.350.000   |
| 184 |                                                                | Áo nam các loại, Hiệu Boss Apparel, Sport...                               | Cái | 440   | 10.000    | 4.400.000   |
| 185 | Quyết định số 39000023/QĐ-TT ngày 11/8/2022 của Cục QLTT       | Mũ lưỡi trai người lớn, Hiệu NU, TT fashion; TL..., Do Việt Nam sản xuất   | Cái | 3218  | 3.000     | 9.654.000   |
| 186 | Quyết định số 39000025/QĐ-TT ngày 05/9/2022 của Cục QLTT       | Túi xách các loại, Nhãn bằng tiếng nước ngoài, không rõ nguồn gốc, xuất xứ | Cái | 6.150 | 40.000    | 246.000.000 |

|             |                                                                |                                                                                                        |       |              |         |                    |
|-------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------------|---------|--------------------|
| 187         | Quyết định số 39000026/QĐ-TT ngày 05/9/2022 của Cục QLTT       | Quần áo các loại, Nhãn bằng tiếng nước ngoài, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không có nhãn phụ           | Cái   | 12.910       | 8.000   | 103.280.000        |
| 188         | Quyết định số 39000004/QĐ-XPHC ngày 07/4/2022 của Cục QLTT     | Trụ bơm dầu tự động PDM-045-2008 đã qua sử dụng                                                        | Cái   | 1<br>(150kg) | 7.000   | 1.050.000          |
| 189         | Quyết định số 39010028/QĐ-TT ngày 31/8/2022 của Đội QLTT số 1  | Mũ người lớn các loại, do Việt Nam sản xuất có nhãn không ghi đủ nội dung                              | Cái   | 820          | 3.000   | 2.460.000          |
| 190         |                                                                | Mũ trẻ em các loại, do Việt Nam sản xuất có nhãn không ghi đủ nội dung                                 | Cái   | 1329         | 2.500   | 3.322.500          |
| 191         | Quyết định số 39010029/QĐ-TT ngày 31/8/2022 của Đội QLTT số 1  | Ghế xếp có khung bằng kim loại bọc vải bố các loại, Không có nhãn hàng hóa, không rõ nguồn gốc xuất xứ | Cái   | 70           | 50.000  | 3.500.000          |
| 192         | Quyết định 39000015/QĐ-TT ngày 30/5/2022 của Cục QLT           | Thú nhồi bông các loại, nhãn không ghi đủ nội dung                                                     | Cái   | 130          | 13.000  | 1.690.000          |
| 193         |                                                                | Mũ trẻ em hiệu Celine                                                                                  | Cái   | 96           | 7.900   | 758.400            |
| 194         |                                                                | Mũ trẻ em, không có nhãn hàng hóa                                                                      | Cái   | 70           | 5.000   | 350.000            |
| 195         | Quyết định số 39010035/QĐ-TT ngày 14/10/2022 của Đội QLTT số 1 | Xe đạp dành cho trẻ em các loại hiệu Galaxy, không có dấu hợp quy                                      | chiếc | 6            | 200.000 | 1.200.000          |
| 196         |                                                                | Xe tập đi cho bé không có dấu hợp quy                                                                  | chiếc | 6            | 160.000 | 960.000            |
| 197         |                                                                | Xe đẩy em bé hiệu Dingdang cat, không có dấu hợp quy                                                   | chiếc | 5            | 150.000 | 750.000            |
| 198         | Quyết định số 39010025/QĐ-TT ngày 02/8/2022 của Đội QLTT số 1  | Kệ góc tường (Lắp ráp gỗ công nghiệp), có nhãn bằng tiếng Việt Nam                                     | Cái   | 89           | 100.000 | 8.900.000          |
| 199         |                                                                | Bàn làm việc (Lắp ráp gỗ công nghiệp), có nhãn bằng tiếng Việt Nam                                     | Cái   | 24           | 150.000 | 3.600.000          |
| 200         |                                                                | Tủ giày (Lắp ráp gỗ công nghiệp), có nhãn bằng tiếng Việt Nam                                          | Cái   | 15           | 180.000 | 2.700.000          |
| <b>XIII</b> | <b>LÔ 13</b>                                                   |                                                                                                        |       |              |         | <b>126.631.400</b> |
| 1           | Quyết định số 1974/QĐ-                                         | Khay nướng, hiệu Sanneng, ngôn ngữ nước ngoài                                                          | Cái   | 78           | 126.000 | 9.828.000          |

|    |                                                            |                                                                 |                    |     |           |            |
|----|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------|-----|-----------|------------|
| 2  | 111H1V ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh                       | Cầu dao BHA các loại, hiệu Shihlin Electric, made in China      | Cái                | 48  | 75.600    | 3.628.800  |
| 3  |                                                            | Cầu dao BM các loại, hiệu Shihlin Electric, made in China       | Cái                | 21  | 220.500   | 4.630.500  |
| 4  |                                                            | Khởi động từ S-P các loại, hiệu Shihlin Electric, made in China | Cái                | 11  | 107.100   | 1.178.100  |
| 5  | Quyết định số 1977/QĐ-TTHTTV ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh | Máy nhào bột, hiệu Bear HMJ-A35M1                               | Cái                | 30  | 441.000   | 13.230.000 |
| 6  |                                                            | Khuôn làm bánh hình tròn, Made in China                         | Bộ (01 bộ = 3 cái) | 40  | 50.400    | 2.016.000  |
| 7  |                                                            | Khuôn làm bánh hình elip, M-D08                                 | Cái                | 450 | 18.900    | 8.505.000  |
| 8  |                                                            | Lò vi sóng, hiệu UKOEO, ngôn ngữ nước ngoài                     | Cái                | 2   | 1.134.000 | 2.268.000  |
| 9  | Quyết định số 39000001/QĐ-TT ngày 09/02/2022 của Cục QLTT  | Hộp đũa, hiệu Chopsticks Alloy, Korean Design                   | Hộp                | 128 | 10.500    | 1.344.000  |
| 10 |                                                            | Hộp kim loại, hiệu Protect fresh box, made in china             | Hộp                | 220 | 21.000    | 4.620.000  |
| 11 |                                                            | Bình siêu tốc Inverter, nhãn hiệu nước ngoài                    | Cái                | 48  | 70.000    | 3.360.000  |
| 12 |                                                            | Máy ép củ quả, hiệu SAVTM, nhãn hiệu nước ngoài                 | Cái                | 54  | 420.000   | 22.680.000 |
| 13 |                                                            | Hộp nhựa các loại, không nhãn hiệu                              | Hộp                | 134 | 10.500    | 1.407.000  |
| 14 |                                                            | Thau nhựa, không nhãn hiệu                                      | Cái                | 150 | 7.000     | 1.050.000  |
| 15 |                                                            | Rổ nhựa, không nhãn hiệu                                        | Cái                | 150 | 5.600     | 840.000    |
| 16 |                                                            | Xịt vệ sinh bếp, hiệu Kitchen Cleaner, Nhãn hiệu nước ngoài     | Chai               | 48  | 17.500    | 840.000    |
| 17 |                                                            | Bản lề, hiệu LiLAnO, made in Vietnam (1 hộp= 2 cái)             | Hộp                | 100 | 28.000    | 2.800.000  |
| 18 | Quyết định số 39000004/QĐ-TT ngày 09/02/2022 của Cục QLTT  | Ly, made in China, Hiệu Glass tea                               | Cái                | 360 | 5.600     | 2.016.000  |
| 19 |                                                            | Bộ khay ly, hiệu Elegent (1 bộ gồm 1 khay, 6 ly)                | Bộ                 | 16  | 140.000   | 2.240.000  |
| 20 |                                                            | Nồi nấu chậm, hiệu Đạt Tường, made in China (có nhãn phụ)       | Cái                | 8   | 119.000   | 952.000    |
| 21 |                                                            | Bộ hộp rổ nhựa, mã 5803 ( 1 bộ: 5 cái)                          | Bộ                 | 16  | 70.000    | 1.120.000  |
| 22 |                                                            | Nồi lẩu hấp, hiệu Osaka 7903s, nhãn hiệu nước ngoài             | Cái                | 24  | 161.000   | 3.864.000  |
| 23 |                                                            | Lều, không nhãn hiệu                                            | Cái                | 47  | 140.000   | 6.580.000  |
| 24 |                                                            | Thảm lót bằng xốp, khổ 1m8x2m                                   | Miếng              | 60  | 140.000   | 8.400.000  |
| 25 |                                                            | Mền, made in China                                              | Cái                | 30  | 84.000    | 2.520.000  |
| 26 |                                                            | Bình đựng nước bằng thủy tinh, hiệu Water Set, Made in China    | Bình               | 45  | 21.000    | 945.000    |

|            |                                                          |                                                                 |      |       |         |                    |
|------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------|-------|---------|--------------------|
| 27         |                                                          | Bộ cắt móng tay, móng chân, không nhãn hiệu                     | Bộ   | 30    | 35.000  | 1.050.000          |
| 28         |                                                          | Kéo, hiệu Lin Wei No.K-0860                                     | Cái  | 108   | 28.000  | 3.024.000          |
| 29         |                                                          | Hộp tượng chú tiểu, nhãn hiệu nước ngoài (1 hộp = 4 tượng)      | Hộp  | 100   | 10.500  | 1.050.000          |
| 30         |                                                          | Hộp đựng đồ bằng vải, made in China                             | Cái  | 40    | 49.000  | 1.960.000          |
| 31         |                                                          | Thảm chân, không nhãn hiệu                                      | Cái  | 120   | 17.500  | 2.100.000          |
| 32         |                                                          | Đệm lót ghế ngồi các loại (ngắn, dài), không nhãn hiệu          | Cái  | 30    | 38.500  | 1.155.000          |
| 33         |                                                          | Bộ đồ lông, hiệu D,Snlzio                                       | Bộ   | 30    | 70.000  | 2.100.000          |
| 34         |                                                          | Quần lông, hiệu D'Studio                                        | Cái  | 38    | 35.000  | 1.330.000          |
| <b>XIV</b> | <b>LÔ 14</b>                                             |                                                                 |      |       |         | <b>639.827.496</b> |
| 1          | Quyết định số 39000017/QĐ-TT ngày 15/7/2022 của Cục QLTT | Mực hiệu UV Flexible- M- Ink loại 1 lít, made in China (Mực in) | Chai | 198   | 397.727 | 78.749.946         |
| 2          |                                                          | Mực hiệu Eco Solvent Ink loại 1 lít, made in China (Mực in)     | Chai | 450   | 136.819 | 61.568.550         |
| 3          |                                                          | Dây nguồn (dây dẫn điện) hiệu Suoer loại 1,5m                   | Dây  | 2.000 | 8.000   | 16.000.000         |
| 4          |                                                          | Dây nguồn Camera hiệu AC-DC Adaptor                             | Dây  | 2.400 | 18.000  | 43.200.000         |
| 5          |                                                          | Microphone hiệu Shengfu W-14                                    | Cái  | 80    | 150.000 | 12.000.000         |
| 6          | Quyết định số 39000018/QĐ-TT ngày 15/7/2022 của Cục QLTT | Củ sạc máy tính xách tay các loại ASUS, Made in China           | Cái  | 150   | 50.000  | 7.500.000          |
| 7          |                                                          | Củ sạc máy tính xách tay các loại ACER, Made in China           | Cái  | 25    | 50.000  | 1.250.000          |
| 8          |                                                          | Củ sạc máy tính xách tay các loại Dell, Made in China           | Cái  | 130   | 50.000  | 6.500.000          |
| 9          |                                                          | Củ sạc máy tính xách tay các loại Sony, Made in China           | Cái  | 75    | 50.000  | 3.750.000          |
| 10         |                                                          | Củ sạc máy tính xách tay Apple, made in China                   | Cái  | 30    | 50.000  | 1.500.000          |
| 11         |                                                          | Dây nguồn Made in China                                         | Dây  | 70    | 7.000   | 490.000            |
| 12         |                                                          | Dây nguồn Hiệu Volex                                            | Dây  | 85    | 7.000   | 595.000            |
| 13         |                                                          | Dây nguồn Kí hiệu HX-003, 250V                                  | Dây  | 70    | 7.000   | 490.000            |
| 14         |                                                          | Pin (Ắc quy ion liti) Kí hiệu AC21DE, Made in China             | Cái  | 186   | 200.000 | 37.200.000         |
| 15         |                                                          | Pin (Ắc quy ion liti) Kí hiệu SO21TO, Made in China             | Cái  | 382   | 200.000 | 76.400.000         |
| 16         |                                                          | Pin (Ắc quy ion liti) Kí hiệu 4741, Made in China               | Cái  | 35    | 200.000 | 7.000.000          |

|    |                                                          |                                                                |     |     |           |            |
|----|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----|-----|-----------|------------|
| 17 |                                                          | Pin (Ắc quy ion liti) Kí hiệu M5Y1K, Made in China             | Cái | 60  | 200.000   | 12.000.000 |
| 18 |                                                          | Pin (Ắc quy ion liti) Kí hiệu LV37HN, Made in China            | Cái | 60  | 200.000   | 12.000.000 |
| 19 |                                                          | Pin (Ắc quy ion liti) Kí hiệu WDXOR, Made in China             | Cái | 170 | 200.000   | 34.000.000 |
| 20 |                                                          | Pin (Ắc quy ion liti) Kí hiệu AC21DE, Made in China            | Cái | 204 | 200.000   | 40.800.000 |
| 21 |                                                          | Pin (Ắc quy ion liti) Kí hiệu E7240/WD52H, Made in China       | Cái | 6   | 200.000   | 1.200.000  |
| 22 |                                                          | Pin (Ắc quy ion liti) Kí hiệu E7240/45WH, Made in China        | Cái | 20  | 200.000   | 4.000.000  |
| 23 | Quyết định số 39000019/QĐ-TT ngày 22/7/2022 của Cục QLTT | Túi xách Fendi                                                 | Cái | 1   | 150.000   | 150.000    |
| 24 |                                                          | Túi xách Alexander wang                                        | Cái | 2   | 150.000   | 300.000    |
| 25 |                                                          | Túi xách Balenciaga                                            | Cái | 1   | 150.000   | 150.000    |
| 26 |                                                          | Túi xách các loại, không nhãn                                  | Cái | 24  | 100.000   | 2.400.000  |
| 27 |                                                          | Ốp lưng điện thoại các loại không rõ nguồn gốc, xuất xứ        | Cái | 225 | 20.000    | 4.500.000  |
| 28 |                                                          | Kính cường lực điện thoại các loại Không rõ nguồn gốc, xuất xứ | Cái | 380 | 15.000    | 5.700.000  |
| 29 |                                                          | Bộ quần áo trẻ em các loại Không rõ nguồn gốc, xuất xứ         | Bộ  | 103 | 30.000    | 3.090.000  |
| 30 |                                                          | Bộ lót ren nữ KRXS, Không rõ nguồn gốc, xuất xứ                | Bộ  | 60  | 30.000    | 1.800.000  |
| 31 |                                                          | Áo khoát nữ, Không rõ nguồn gốc, xuất xứ                       | Cái | 20  | 80.000    | 1.600.000  |
| 32 |                                                          | Bộ quần áo nữ, Không rõ nguồn gốc, xuất xứ                     | Bộ  | 19  | 75.000    | 1.425.000  |
| 33 |                                                          | Giày thể thao nam các loại, Nước ngoài sản xuất                | Đôi | 6   | 120.000   | 720.000    |
| 34 |                                                          | Màn hình điện thoại các loại, Xuất xứ Trung Quốc               | Cái | 64  | 800.000   | 51.200.000 |
| 35 |                                                          | Dây sạc điện thoại, Xuất xứ Trung Quốc                         | Dây | 86  | 10.000    | 860.000    |
| 36 |                                                          | Tai nghe các loại, Xuất xứ Trung Quốc                          | Cái | 5   | 20.000    | 100.000    |
| 37 |                                                          | Loa nghe nhạc Bluetooth, Xuất xứ Trung Quốc                    | Cái | 2   | 100.000   | 200.000    |
| 38 | Quyết định 17/QĐ-XPHC ngày 25/01/2022 của Cục QLTT       | Dây sạc điện thoại Micro                                       | Dây | 970 | 7.000     | 6.790.000  |
| 39 |                                                          | Cục sạc điện thoại                                             | Cục | 70  | 25.000    | 1.750.000  |
| 40 |                                                          | Ốp điện thoại                                                  | Cái | 200 | 10.000    | 2.000.000  |
| 41 |                                                          | Đồng hồ Serial No: FHLCN2DMLTJ (Hồng)                          | Cái | 1   | 5.000.000 | 5.000.000  |

|    |                                                                              |                                                               |     |     |         |            |
|----|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----|-----|---------|------------|
| 42 | Quyết định<br>39020025/QĐ-<br>XPHC ngày<br>30/5/2022 của Đội<br>QLTT số 2    | Bóng đèn led áp trần các loại,<br>Không rõ nguồn gốc, xuất xứ | Cái | 25  | 340.000 | 8.500.000  |
| 43 | Quyết định<br>39020034/QĐ-<br>XPHC ngày<br>13/6/2022 của<br>Đội QLTT số 2    | Giày thể thao các loại, Không rõ<br>nguồn gốc, xuất xứ        | Đôi | 23  | 470.000 | 10.810.000 |
| 44 | Quyết định<br>39020035/QĐ-<br>XPHC ngày<br>14/6/2022 của<br>Đội QLTT số 2    | Đèn led xe máy, Không rõ nguồn<br>gốc, xuất xứ                | Cái | 8   | 78.000  | 624.000    |
| 45 |                                                                              | Gù nhôm chống đỡ xe máy, Không<br>rõ nguồn gốc, xuất xứ       | Bộ  | 78  | 45.000  | 3.510.000  |
| 46 |                                                                              | Bảng gắn biển số xe máy, Không rõ<br>nguồn gốc, xuất xứ       | Cái | 60  | 35.000  | 2.100.000  |
| 47 | Quyết định<br>39020037/QĐ-<br>XPHC ngày<br>15/6/2022 của Đội<br>QLTT số 2    | Dây rắc AV, made in china                                     | sợi | 140 | 45.000  | 6.300.000  |
| 48 |                                                                              | Dây rắc tín hiệu Best, made in china                          | sợi | 80  | 55.000  | 4.400.000  |
| 49 | Quyết định<br>39020042/QĐ-<br>XPHC ngày<br>21/6/2022 của Đội<br>QLTT số 2    | Bộ xéc măng (bạc) xe máy các loại                             | Bộ  | 200 | 60.000  | 12.000.000 |
| 50 | Quyết định số<br>39020044/QĐ-<br>XPHC ngày<br>23/6/2022 của Đội<br>QLTT số 2 | Xy lanh bánh hiệu Bokal, xuất xứ<br>Trung Quốc                | Cái | 4   | 350.000 | 1.400.000  |
| 51 |                                                                              | Xéc măng (bạc) hiệu YPR, xuất xứ<br>Korea                     | Cái | 11  | 150.000 | 1.650.000  |
| 52 |                                                                              | Xéc măng (bạc) hiệu RIK, xuất xứ<br>Korea                     | Cái | 5   | 150.000 | 750.000    |
| 53 |                                                                              | Đèn pha hiệu Joben, Xuất xứ Trung<br>Quốc                     | Cái | 7   | 200.000 | 1.400.000  |
| 54 |                                                                              | Rô tin tay lái hiệu Hyesung, xuất xứ<br>Korea                 | Cái | 2   | 200.000 | 400.000    |
| 55 | Quyết định<br>39020049/QĐ-<br>XPHC ngày<br>04/7/2022 của Đội<br>QLTT số 2    | Lưỡi cắt gạch hiệu Omega, Made in<br>China                    | Cái | 20  | 150.000 | 3.000.000  |
| 56 |                                                                              | Cờ lê 10 Forged steel, Made in China                          | Cái | 50  | 30.000  | 1.500.000  |
| 57 |                                                                              | Ổ khóa hiệu Yefi                                              | Cái | 30  | 35.000  | 1.050.000  |
| 58 |                                                                              | Dây Curoa Sanwu                                               | Sợi | 38  | 80.000  | 3.040.000  |
| 59 |                                                                              | Dây Curoa Triangle v-Belt                                     | Sợi | 17  | 95.000  | 1.615.000  |
| 60 | Quyết định<br>39020051/QĐ-<br>XPHC ngày                                      | Aptomat 3 pha, Hiệu LS Made in<br>Korea                       | Cái | 5   | 450.000 | 2.250.000  |

|           |                                                                              |                                                               |     |    |           |                    |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----|----|-----------|--------------------|
| 61        | 06/7/2022 của<br>Đội QLTT số 2                                               | Khởi động từ 3 pha, Hiệu LS Made in Korea                     | Cái | 8  | 270.000   | 2.160.000          |
| 62        |                                                                              | Đồng hồ nước, Hiệu LXS-15E do nước ngoài sản xuất             | Cái | 12 | 300.000   | 3.600.000          |
| 63        |                                                                              | Khóa dây, Hiệu Alex do nước ngoài sản xuất                    | Dây | 2  | 150.000   | 300.000            |
| 64        |                                                                              | Tủ điện khởi động máy bơm, Hiệu TECHPR do nước ngoài sản xuất | Cái | 5  | 400.000   | 2.000.000          |
| 65        | Quyết định<br>39020054/QĐ-<br>XPHC ngày<br>8/7/2022 của Đội<br>QLTT số 2     | Áo thun nữ                                                    | cái | 15 | 250.000   | 3.750.000          |
| 66        |                                                                              | Áo sơ mi nữ                                                   | cái | 8  | 250.000   | 2.000.000          |
| 67        |                                                                              | Áo thun nam                                                   | cái | 6  | 270.000   | 1.620.000          |
| 68        | Quyết định số<br>39030067/QĐ-TT<br>ngày 25/5/2022<br>của Đội QLTT số 3       | Quần Jean trẻ em                                              | Cái | 75 | 60.000    | 4.500.000          |
| 69        |                                                                              | Quần vải lờ nữ                                                | Cái | 31 | 70.000    | 2.170.000          |
| 70        | Quyết định số<br>39050065/QĐ-<br>XPHC ngày<br>05/7/2022 của Đội<br>QLTT số 5 | Da thắng xe ô tô                                              | Cái | 10 | 150.000   | 1.500.000          |
| 71        |                                                                              | Chìa hơi xe ô tô                                              | Cái | 1  | 1.200.000 | 1.200.000          |
| 72        |                                                                              | Lọc nhớt xe ô tô                                              | Cái | 2  | 100.000   | 200.000            |
| 73        |                                                                              | Dây ga xe ô tô                                                | Dây | 4  | 150.000   | 600.000            |
| <b>XV</b> | <b>LÔ 15</b>                                                                 |                                                               |     |    |           | <b>703.695.686</b> |
| 1         | Quyết định số<br>39000021/QĐ-<br>TT ngày<br>11/8/2022 của<br>Cục QLTT        | Dây cáp Nhãn bằng tiếng nước ngoài                            | Dây | 40 | 7.000     | 280.000            |
| 2         |                                                                              | Máy điều hòa mini, Nhãn bằng tiếng nước ngoài                 | Cái | 6  | 700.000   | 4.200.000          |
| 3         |                                                                              | Máy sưởi, Nhãn bằng tiếng nước ngoài                          | Cái | 3  | 500.000   | 1.500.000          |
| 4         |                                                                              | Balo các loại, Nhãn bằng tiếng nước ngoài                     | Cái | 15 | 60.000    | 900.000            |
| 5         |                                                                              | Túi xách các loại, Nhãn bằng tiếng nước ngoài                 | Cái | 25 | 50.000    | 1.250.000          |
| 6         |                                                                              | Túi đeo chéo các loại, Nhãn bằng tiếng nước ngoài             | Cái | 45 | 20.000    | 900.000            |
| 7         |                                                                              | Ví các loại, Nhãn bằng tiếng nước ngoài                       | Cái | 15 | 20.000    | 300.000            |
| 8         |                                                                              | Máy cắt, hiệu Engine Motor Cx35, nhãn bằng tiếng nước ngoài   | Cái | 4  | 900.000   | 3.600.000          |
| 9         |                                                                              | Vỉ nướng, Mã: 607A, nhãn bằng tiếng nước ngoài                | Cái | 8  | 250.000   | 2.000.000          |

|    |                                                          |                                                                                                            |     |        |           |            |
|----|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------|-----------|------------|
| 10 | Quyết định số 39000022/QĐ-TT ngày 11/8/2022 của Cục QLTT | Găng tay các loại, Do Việt Nam sản xuất                                                                    | Đôi | 40.500 | 2.120     | 85.860.000 |
| 11 | Quyết định số 39000023/QĐ-TT ngày 11/8/2022 của Cục QLTT | Dây dù câu cá, Hiệu Yamato (3.0-100m)                                                                      | Hộp | 100    | 10.000    | 1.000.000  |
| 12 |                                                          | Dây dù câu cá, Hiệu Braided X8 (4.0-150m)                                                                  | Hộp | 640    | 15.000    | 9.600.000  |
| 13 |                                                          | Dây dù câu cá, Hiệu Braided X8 (3.5-150m)                                                                  | Hộp | 600    | 15.000    | 9.000.000  |
| 14 |                                                          | Dây dù câu cá, Hiệu Yamato (4.5-100m)                                                                      | Hộp | 300    | 10.000    | 3.000.000  |
| 15 |                                                          | Dây cước câu cá, Hiệu Yamato (2.0-50m)                                                                     | Hộp | 250    | 10.000    | 2.500.000  |
| 16 |                                                          | Dây cước câu cá, Hiệu Yamato (10-50m)                                                                      | Hộp | 200    | 10.000    | 2.000.000  |
| 17 |                                                          | Dây cước câu cá, Hiệu Varivas (2-50m)                                                                      | Hộp | 70     | 10.000    | 700.000    |
| 18 |                                                          | Dây cước câu cá, Nhân bằng tiếng nước ngoài (2-105m)                                                       | Hộp | 80     | 10.000    | 800.000    |
| 19 |                                                          | Dây cước câu cá, Hiệu Koi Yamato (6.0-100m)                                                                | Hộp | 400    | 10.000    | 4.000.000  |
| 20 |                                                          | Ổng làm mát thủy lực, Hiệu Oil Cooler OR250                                                                | Cái | 2      | 3.000.000 | 6.000.000  |
| 21 |                                                          | Ổng làm mát thủy lực, Hiệu Oil Cooler OR350                                                                | Cái | 4      | 3.800.000 | 15.200.000 |
| 22 |                                                          | Túi lưới đựng cá, Hiệu Boyang                                                                              | Cái | 20     | 150.000   | 3.000.000  |
| 23 | Quyết định số 39000027/QĐ-TT ngày 08/9/2022 của Cục QLTT | Nồi nấu sáp thơm dùng để wax lông, Hiệu Pro-wax100, made in China                                          | Cái | 235    | 80.000    | 18.800.000 |
| 24 |                                                          | Nồi nấu sáp thơm dùng để wax lông, Hiệu Hair Removal wax warmer, made in China                             | Cái | 103    | 80.000    | 8.240.000  |
| 25 | Quyết định số 39000219/QĐ-XP ngày 12/8/2022 của Cục QLTT | Bộ nhông xích xe gắn máy, hiệu Sun Thai, sản xuất tại Thái Lan, có nhãn phụ ghi không đủ nội dung bắt buộc | Bộ  | 29     | 14.286    | 414.286    |
| 26 | Quyết định số 39000226/QĐ-XP ngày 23/8/2022 của Cục QLTT | Đèn để bàn hiệu Weidasi WD-6048, do Trung Quốc sản xuất                                                    | Cái | 48     | 60.000    | 2.880.000  |
| 27 |                                                          | Bóng đèn led các loại hiệu Huada, do Trung Quốc sản xuất                                                   | Cái | 240    | 10.000    | 2.400.000  |
| 28 |                                                          | Bóng đèn led các loại hiệu Filament, do Trung Quốc sản xuất                                                | Cái | 50     | 10.000    | 500.000    |

|    |                                                               |                                                                                          |      |       |         |            |
|----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------|---------|------------|
| 29 |                                                               | Vòng bi hiệu SRD, mã 63/28-2RS, do Trung Quốc sản xuất                                   | Cái  | 1.000 | 15.000  | 15.000.000 |
| 30 |                                                               | Máy uốn tóc, do Trung Quốc sản xuất                                                      | Cái  | 395   | 60.000  | 23.700.000 |
| 31 | Quyết định số 39040112/QĐ-XP ngày 18/8/2022 của Đội QLTT số 4 | Tai phone dùng cho điện thoại Iphone                                                     | Cái  | 18    | 140.000 | 2.520.000  |
| 32 | Quyết định số 39040125/QĐ-XP ngày 05/9/2022 của Đội QLTT số 4 | Đồng hồ có dùng sim điện thoại, Không nhãn, không rõ nguồn gốc xuất xứ                   | Cái  | 8     | 455.000 | 3.640.000  |
| 33 | Quyết định số 39040007/QĐ-TT ngày 31/8/2022 của Đội QLTT số 4 | Băng keo, Không nhãn                                                                     | Cuộn | 300   | 24.000  | 7.200.000  |
| 34 | Quyết định số 39040008/QĐ-TT ngày 31/8/2022 của Đội QLTT số 4 | Mỏ hàn cán gỗ, hiệu NUTRIT, nhãn ghi tiếng Việt Nam, không có tên địa chỉ cơ sở sản xuất | Cái  | 50    | 45.000  | 2.250.000  |
| 35 |                                                               | Luối cưa, hiệu MAKITA, made in Japan, không nhãn phụ                                     | Cái  | 20    | 40.000  | 800.000    |
| 36 |                                                               | Van đồng, Không nhãn hàng hoá                                                            | Cái  | 50    | 12.000  | 600.000    |
| 37 |                                                               | Van hơi, Không nhãn hàng hoá                                                             | Cái  | 50    | 3.000   | 150.000    |
| 38 |                                                               | Típ 1,2" 21H, Nhãn ghi ngôn ngữ nước ngoài                                               | Cái  | 12    | 15.000  | 180.000    |
| 39 |                                                               | Típ 46, Nhãn ghi ngôn ngữ nước ngoài                                                     | Cái  | 10    | 60.000  | 600.000    |
| 40 |                                                               | Típ CR-V 21, Nhãn ghi ngôn ngữ nước ngoài                                                | Cái  | 50    | 10.000  | 500.000    |
| 41 |                                                               | Vũ mớ cong 08 li, Không nhãn hàng hoá                                                    | Cái  | 180   | 2.000   | 360.000    |
| 42 |                                                               | Súng hơi (dùng xịt hơi xe), hiệu HARK CAPUT, nhãn ghi ngôn ngữ nước ngoài                | Cái  | 90    | 25.000  | 2.250.000  |
| 43 |                                                               | Thước vải (50m), nhãn ghi ngôn ngữ nước ngoài                                            | Cái  | 20    | 50.000  | 1.000.000  |
| 44 |                                                               | Súng bắn keo, hiệu Rockit, không nhãn hàng hoá                                           | Cái  | 40    | 25.000  | 1.000.000  |
| 45 |                                                               | Kềm cộng lực, hiệu BOLT CUTTER 900mm/36", nhãn ghi ngôn ngữ nước ngoài                   | Cái  | 10    | 230.000 | 2.300.000  |
| 46 |                                                               | Kềm cộng lực, hiệu BOLT CUTTER 1050mm/42", nhãn ghi ngôn ngữ nước ngoài                  | Cái  | 8     | 300.000 | 2.400.000  |

|    |                                                                           |     |     |         |           |
|----|---------------------------------------------------------------------------|-----|-----|---------|-----------|
| 47 | Thước cặp, Hiệu VERNIER<br>CALIPER 150mm, không rõ nguồn gốc              | Cái | 10  | 60.000  | 600.000   |
| 48 | Thước cặp, Hiệu VERNIER<br>CALIPER 200mm, không rõ nguồn gốc              | Cái | 10  | 70.000  | 700.000   |
| 49 | Ống dẫn nhiên liệu xe máy, hiệu MITSUDAI, không rõ nguồn gốc              | Sợi | 100 | 10.000  | 1.000.000 |
| 50 | Bộ ổ khoá xe máy, Không nhãn hàng hoá                                     | Bộ  | 4   | 55.000  | 220.000   |
| 51 | Sên cam, hiệu DID, made in Japan, nhãn ghi ngôn ngữ nước ngoài            | Sợi | 20  | 35.000  | 700.000   |
| 52 | Ổ bi (6230), Hiệu NACHI, made in Japan, nhãn ghi ngôn ngữ nước ngoài      | Cái | 30  | 25.000  | 750.000   |
| 53 | Bộ bơm xăng xe máy, Mã 16710-KVG-901, không rõ nơi sản xuất               | Bộ  | 5   | 120.000 | 600.000   |
| 54 | Ổ khoá xe máy (chìa đơn cạnh), hiệu VUONG NIEM, model 78, made in VietNam | Cái | 5   | 32.000  | 160.000   |
| 55 | Ổ khoá xe máy (chìa đa cạnh), hiệu VUONG NIEM, không rõ nơi sản xuất      | Cái | 5   | 45.000  | 225.000   |
| 56 | Bánh đà xe máy, Hiệu MSG C-100, không rõ nơi sản xuất                     | Cái | 10  | 120.000 | 1.200.000 |
| 57 | Bánh sên cam, Hiệu SUN, made in Japan                                     | Cái | 60  | 10.000  | 600.000   |
| 58 | Mobin sườn xe máy (xe Attila), Hiệu SYM, không rõ nơi sản xuất            | Cái | 10  | 35.000  | 350.000   |
| 59 | Mobin sườn xe máy (xe Wave), Không rõ nơi sản xuất                        | Cái | 10  | 30.000  | 300.000   |
| 60 | Dây Stop chân xe máy, sản xuất tại Việt Nam                               | Cái | 30  | 7.000   | 210.000   |
| 61 | Chế hoà khí, hiệu CENTA, Sản xuất tại Việt Nam                            | Cái | 25  | 250.000 | 6.250.000 |
| 62 | Cục đề xe máy, hiệu SD, sản xuất tại Việt Nam                             | Cái | 25  | 30.000  | 750.000   |
| 63 | Tay thắng xe máy, hiệu SAHARA, sản xuất tại Việt Nam                      | Cái | 50  | 20.000  | 1.000.000 |
| 64 | Yếm chân xe máy Airblade, Không nhãn hàng hoá                             | Bộ  | 5   | 70.000  | 350.000   |
| 65 | Vành xe máy, hiệu UNION, made in Thailand                                 | Cái | 10  | 200.000 | 2.000.000 |
| 66 | Đèn led, hiệu LIUHJG, nhãn ghi ngôn ngữ nước ngoài                        | Cái | 40  | 45.000  | 1.800.000 |

|    |                                                                            |                                                                                  |     |      |         |           |
|----|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----|------|---------|-----------|
| 67 |                                                                            | Gương chiếu hậu xe máy, Không<br>nhãn hàng hoá                                   | Bộ  | 90   | 35.000  | 3.150.000 |
| 68 |                                                                            | Gương chiếu hậu xe máy, sản xuất<br>tại Việt Nam                                 | Bộ  | 30   | 35.000  | 1.050.000 |
| 69 |                                                                            | Dây xích xe đạp, hiệu TKR, made in<br>Malaysia                                   | Sợi | 40   | 25.000  | 1.000.000 |
| 70 |                                                                            | Tấm xe đạp, Ngăn ghi ngôn ngữ<br>nước ngoài                                      | Bì  | 10   | 30.000  | 300.000   |
| 71 | Quyết định số<br>39010029/QĐ-<br>TT ngày<br>31/8/2022 của<br>Đội QLTT số 1 | Còi hiệu Kokiso, do Việt Nam sản<br>xuất                                         | Cái | 130  | 10.000  | 1.300.000 |
| 72 | Quyết định số<br>39010030/QĐ-<br>TT ngày<br>06/9/2022 của<br>Đội QLTT số 1 | Móc khóa các loại, không nhãn,<br>không rõ nguồn gốc xuất xứ                     | Cái | 2980 | 3.000   | 8.940.000 |
| 73 |                                                                            | Lô uốn tóc bằng nút, do Việt Nam<br>sản xuất                                     | Hộp | 100  | 8.000   | 800.000   |
| 74 |                                                                            | Kẹp tóc bằng nhựa, do Việt Nam sản<br>xuất                                       | Cái | 1800 | 800     | 1.440.000 |
| 75 | Quyết định số<br>39010032/QĐ-<br>TT ngày<br>06/9/2022 của<br>Đội QLTT số 1 | Hộp đựng đồ ăn bằng thủy tinh, hiệu<br>Red Cherry, nhãn bằng tiếng nước<br>ngoài | Cái | 128  | 30.000  | 3.840.000 |
| 76 |                                                                            | Quạt mini hiệu Telescopic folding<br>fan, Made in China                          | Cái | 80   | 50.000  | 4.000.000 |
| 77 |                                                                            | Cân điện tử hiệu Electronic<br>Personal, Made in China                           | Cái | 20   | 80.000  | 1.600.000 |
| 78 |                                                                            | Đèn ngủ hiệu Led night light, nhãn<br>bằng tiếng nước ngoài                      | Cái | 360  | 5.000   | 1.800.000 |
| 79 |                                                                            | Ly thủy tinh hiệu Lirmartur, Made in<br>China                                    | Cái | 192  | 15.000  | 2.880.000 |
| 80 |                                                                            | Ly thủy tinh hiệu Deli Glassware,<br>Made in China                               | Cái | 74   | 15.000  | 1.110.000 |
| 81 |                                                                            | Quạt đeo cổ hiệu Bladeless Neck<br>Cooler, nhãn bằng tiếng nước ngoài            | Cái | 10   | 40.000  | 400.000   |
| 82 |                                                                            | Bàn là hơi nước hiệu Sokany, Made<br>in P.R.C                                    | Cái | 10   | 200.000 | 2.000.000 |
| 83 |                                                                            | Ổ cắm điện hiệu JPDQ 10A-250V,<br>nhãn bằng tiếng nước ngoài                     | Cái | 160  | 30.000  | 4.800.000 |
| 84 |                                                                            | Kéo hiệu Material SK-5, nhãn bằng<br>tiếng nước ngoài                            | Cái | 124  | 20.000  | 2.480.000 |
| 85 |                                                                            | Miếng chùi chân hiệu I love, không<br>rõ nguồn gốc xuất xứ                       | Cái | 120  | 15.000  | 1.800.000 |

|     |                                                               |                                                                        |      |       |            |            |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------|-------|------------|------------|
| 86  | Quyết định số 39010034/QĐ-TT ngày 13/9/2022 của Hội QLTT số 1 | Màn hình máy tính hiệu HP P200 LCD, Made in China                      | Cái  | 10    | 1.000.000  | 10.000.000 |
| 87  |                                                               | Màn hình máy tính hiệu Dell E2016H, Made in China                      | Cái  | 10    | 1.000.000  | 10.000.000 |
| 88  | Quyết định số 39000028/QĐ-TT ngày 15/9/2022 của Cục QLTT      | Màn hình Tivi Hiệu mi Redmi 86", mã L86R6-Max, Sản xuất tại Trung Quốc | Cái  | 1     | 25.000.000 | 25.000.000 |
| 89  |                                                               | Màn hình Tivi Hiệu mi 75", mã L75M7-EA, Sản xuất tại Trung Quốc        | Cái  | 2     | 16.000.000 | 32.000.000 |
| 90  |                                                               | Màn hình Tivi Hiệu mi 55", mã L55M7-EA, Sản xuất tại Trung Quốc        | Cái  | 6     | 4.500.000  | 27.000.000 |
| 91  |                                                               | Màn hình Tivi Hiệu mi 43", mã L43M7-EA, Sản xuất tại Trung Quốc        | Cái  | 5     | 3.000.000  | 15.000.000 |
| 92  |                                                               | Đai ốp bằng kim loại Có nhãn ghi không đủ nội dung bắt buộc            | Kg   | 122   | 50.000     | 6.100.000  |
| 93  |                                                               | Bình gas lạnh Nhãn bằng tiếng nước ngoài, không rõ nguồn gốc xuất xứ   | Bình | 50    | 450.000    | 22.500.000 |
| 94  | Quyết định số 39000031/QĐ-TT ngày 18/10/2022 của Cục QLTT     | Vải sợi có nhãn ghi không đủ                                           | Kg   | 76    | 30.000     | 2.280.000  |
| 95  |                                                               | Đèn trang trí không bóng hiệu Led Wall Lamp                            | Hộp  | 60    | 10.000     | 600.000    |
| 96  |                                                               | Máy đục bê tông hiệu Caowang                                           | Cái  | 5     | 700.000    | 3.500.000  |
| 97  |                                                               | Máy cắt bê tông hiệu Caowang SK1563                                    | Cái  | 2     | 800.000    | 1.600.000  |
| 98  |                                                               | Máy cắt cầm tay hiệu Caowang                                           | Cái  | 10    | 250.000    | 2.500.000  |
| 99  | Quyết định số 39000032/QĐ-TT ngày 25/10/2022 của Cục QLTT     | Miếng dán màn hình điện thoại Hiệu Fullglass, made in China            | Cái  | 7.500 | 3.000      | 22.500.000 |
| 100 |                                                               | Miếng dán màn hình điện thoại Hiệu Glass, made in China                | Cái  | 1.750 | 3.000      | 5.250.000  |
| 101 |                                                               | Củ sạc điện thoại Hiệu Byz, made in China                              | Cái  | 150   | 15.000     | 2.250.000  |
| 102 |                                                               | Tai nghe các loại Hiệu Byz, made in China                              | Cái  | 280   | 40.000     | 11.200.000 |
| 103 |                                                               | Ốp điện thoại các loại Hiệu Berlia, made in China                      | Cái  | 1.100 | 10.000     | 11.000.000 |
| 104 |                                                               | Dây sạc điện thoại các loại Hiệu Byz, made in China                    | Dây  | 940   | 8.000      | 7.520.000  |
| 105 |                                                               | Dây sạc điện thoại 3 trong 1 Hiệu Byz, made in China                   | Cây  | 190   | 12.000     | 2.280.000  |
| 106 |                                                               | Loa Bluetooth các loại Hiệu Kasinuo, made in China                     | Cái  | 300   | 50.000     | 15.000.000 |

|     |                                                                         |                                                                                                |                           |     |         |            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|---------|------------|
| 107 |                                                                         | Đèn led Hiệu IPY (01 bì = 10 dây)                                                              | Bì                        | 30  | 10.000  | 300.000    |
| 108 |                                                                         | Đèn led Hiệu Caution (01 bì = 02 cuộn)                                                         | Bì                        | 40  | 10.000  | 400.000    |
| 109 | Quyết định<br>39000015/QĐ-TT<br>ngày 30/5/2022<br>của Cục QLT           | Túi xách Không có nhãn hàng hóa                                                                | Cái                       | 79  | 20.000  | 1.580.000  |
| 110 |                                                                         | Quạt cầm tay, nhãn bằng tiếng nước ngoài                                                       | Cái                       | 66  | 9.900   | 653.400    |
| 111 |                                                                         | Áo ngực, nhãn bằng tiếng nước ngoài                                                            | Cái                       | 965 | 8.900   | 8.588.500  |
| 112 |                                                                         | Giày nam các loại hiệu: Savato Fashion, Lumi, Alexander MCQueen...                             | Đôi                       | 80  | 100.000 | 8.000.000  |
| 113 | Quyết định số<br>39010024/QĐ-TT<br>ngày 26/7/2022<br>của Đội QLTT số 1  | Quần đùi Jean trẻ em các loại                                                                  | Cái                       | 650 | 20.000  | 13.000.000 |
| 114 | Quyết định số<br>39010036/QĐ-TT<br>ngày 17/10/2022<br>của Đội QLTT số 1 | Giày hiệu Collection                                                                           | Đôi                       | 10  | 100.000 | 1.000.000  |
| 115 |                                                                         | Giày các loại hiệu Naibiaolang, JUBANG, Fashion Xiuxian                                        | Đôi                       | 15  | 70.000  | 1.050.000  |
| 116 |                                                                         | Dép hiệu Hafastar, do Việt Nam sản xuất                                                        | Đôi                       | 10  | 20.000  | 200.000    |
| 117 |                                                                         | Dép hiệu Sports                                                                                | Đôi                       | 10  | 20.000  | 200.000    |
| 118 | Quyết định số<br>39010037/QĐ-TT<br>ngày 17/10/2022<br>của Đội QLTT số 1 | Khăn tắm nhãn bằng tiếng nước ngoài                                                            | cái                       | 120 | 20.000  | 2.400.000  |
| 119 |                                                                         | Vỏ gối hiệu Everron                                                                            | cái                       | 90  | 8.000   | 720.000    |
| 120 |                                                                         | Chăn các loại hiệu wash cotton quilt                                                           | cái                       | 15  | 30.000  | 450.000    |
| 121 |                                                                         | Ruột gối hiệu New Material only                                                                | cái                       | 15  | 20.000  | 300.000    |
| 122 |                                                                         | Vali không nhãn hàng hóa                                                                       | bộ (01<br>bộ = 02<br>cái) | 14  | 250.000 | 3.500.000  |
| 123 |                                                                         | Tủ đựng đồ (Gỗ công nghiệp chưa lắp ráp) do Việt Nam sản xuất, có nhãn không ghi đủ nội dung   | cái                       | 55  | 150.000 | 8.250.000  |
| 124 |                                                                         | Bàn làm việc (Gỗ công nghiệp chưa lắp ráp) do Việt Nam sản xuất, có nhãn không ghi đủ nội dung | cái                       | 5   | 130.000 | 650.000    |
| 125 |                                                                         | Kệ giấy gỗ (Gỗ công nghiệp chưa lắp ráp) do Việt Nam sản xuất, có nhãn không ghi đủ nội dung   | cái                       | 5   | 120.000 | 600.000    |

|     |                                                                |                                                                                                |     |     |           |           |
|-----|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----------|-----------|
| 126 |                                                                | Kệ góc tường (Gỗ công nghiệp chưa lắp ráp) do Việt Nam sản xuất, có nhãn không ghi đủ nội dung | cái | 5   | 120.000   | 600.000   |
| 127 |                                                                | Kệ gương (Gương soi toàn thân) do Việt Nam sản xuất, có nhãn không ghi đủ nội dung             | Cái | 4   | 150.000   | 600.000   |
| 128 | Quyết định số 39020112/QĐ-XP ngày 22/9/2022 của Đội QLTT số 2  | Ổ khóa cửa hiệu DOORLOCK, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                           | Bộ  | 24  | 147.000   | 3.528.000 |
| 129 |                                                                | Ổ khóa cửa hiệu OPEX, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                               | Bộ  | 10  | 378.000   | 3.780.000 |
| 130 |                                                                | Ổ khóa cửa hiệu YALES-R, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                            | Bộ  | 2   | 140.000   | 280.000   |
| 131 | Quyết định số 39020113/QĐ-XP ngày 23/9/2022 của Đội QLTT số 2  | Quần Jeans nam, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                                     | Cái | 21  | 252.000   | 5.292.000 |
| 132 |                                                                | Quần sọt Jeans nam, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                                 | Cái | 25  | 70.000    | 1.750.000 |
| 133 | Quyết định số 39020119/QĐ-XP ngày 30/9/2022 của Đội QLTT số 2  | Đèn ngủ các loại hiệu Led, made in China                                                       | Cái | 176 | 10.500    | 1.848.000 |
| 134 |                                                                | Đèn led năng lượng mặt trời Solar light, do nước ngoài sản xuất                                | Cái | 2   | 1.155.000 | 2.310.000 |
| 135 |                                                                | Đèn bắt muỗi Long-life-Led, do nước ngoài sản xuất                                             | Cái | 24  | 315.000   | 7.560.000 |
| 136 |                                                                | Đèn led Bluetooth music, made in China                                                         | Cái | 8   | 245.000   | 1.960.000 |
| 137 |                                                                | Đèn pin sạc hiệu Smiling shark, made in China                                                  | Cái | 3   | 150.500   | 451.500   |
| 138 | Quyết định số 39020121/QĐ-XP ngày 05/10/2022 của Đội QLTT số 2 | Lọc gió xe ô tô hiệu Yasaka A-5605, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                 | Cái | 1   | 420.000   | 420.000   |
| 139 |                                                                | Lọc gió xe ô tô hiệu Air Filter A-2438, không rõ nguồn gốc xuất xứ                             | Cái | 1   | 420.000   | 420.000   |
| 140 |                                                                | Lọc gió xe ô tô hiệu Air Filter A-038S, không rõ nguồn gốc xuất xứ                             | Cái | 1   | 336.000   | 336.000   |
| 141 |                                                                | Lọc gió xe ô tô hiệu Air Filter A-568B, không rõ nguồn gốc xuất xứ                             | Cái | 1   | 336.000   | 336.000   |
| 142 |                                                                | Héo dầu xe ô tô hiệu Nam Yang, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                      | Cái | 4   | 665.000   | 2.660.000 |
| 143 |                                                                | Héo bánh sau xe ô tô hiệu Kisanosaka (01 bộ=02 cái), không rõ                                  | Bộ  | 1   | 1.330.000 | 1.330.000 |
| 144 |                                                                | Héo dầu xe ô tô hiệu CAJ, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                           | Cái | 1   | 945.000   | 945.000   |
| 145 |                                                                | Héo dầu xe ô tô hiệu Switch, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                        | Cái | 1   | 630.000   | 630.000   |
| 146 |                                                                | Héo tổng côn xe ô tô hiệu Hand Primer, không rõ nguồn gốc xuất xứ                              | Cái | 1   | 945.000   | 945.000   |
| 147 |                                                                | Rô tin tay lái xe ô tô hiệu IVY, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                    | Cái | 1   | 630.000   | 630.000   |

|     |                                                                |                                                                                   |     |    |           |           |
|-----|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----|----|-----------|-----------|
| 148 | Quyết định số 39020122/QĐ-XP ngày 06/10/2022 của Đội QLTT số 2 | Đèn pha Led Flood Light loại 200W, không rõ nguồn gốc xuất xứ                     | Cái | 11 | 686.000   | 7.546.000 |
| 149 |                                                                | Đèn pha Led Flood Light loại 50W, không rõ nguồn gốc xuất xứ                      | Cái | 3  | 350.000   | 1.050.000 |
| 150 |                                                                | Đèn pha Led WE-LOF1 loại 30W, không rõ nguồn gốc xuất xứ                          | Cái | 6  | 280.000   | 1.680.000 |
| 151 |                                                                | Đèn pha Led Outdoor Light chuyển màu loại 30W, không rõ nguồn gốc xuất xứ         | Cái | 2  | 385.000   | 770.000   |
| 152 |                                                                | Đèn pha Led Outdoor Light chuyển màu loại 20W, không rõ nguồn gốc xuất xứ         | Cái | 3  | 245.000   | 735.000   |
| 153 |                                                                | Đèn chống nổ hiệu EX, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                  | Cái | 2  | 1.120.000 | 2.240.000 |
| 154 | Quyết định số 39020123/QĐ-XP ngày 07/10/2022 của Đội QLTT số 2 | Kính cường lực điện thoại hiệu AMCX, made in China (01 hộp = 10 cái)              | Hộp | 35 | 140.000   | 4.900.000 |
| 155 |                                                                | Sạc dự phòng điện thoại hiệu HOCO J82 10.000mAh, made in China                    | Cái | 10 | 245.000   | 2.450.000 |
| 156 |                                                                | Đèn pha xe ô tô hiệu JOBEN, không rõ nguồn gốc xuất xứ                            | Cái | 3  | 245.000   | 735.000   |
| 157 |                                                                | Đèn pha H4 xe ô tô hiệu HALOGEN, không rõ nguồn gốc xuất xứ                       | Cái | 1  | 245.000   | 245.000   |
| 158 |                                                                | Đèn chiếu sáng điện tử xe ô tô hiệu Xenon Sealed Beam, không rõ nguồn gốc xuất xứ | Cái | 1  | 224.000   | 224.000   |
| 159 |                                                                | Đèn led nhỏ xe ô tô hiệu RunLai, không rõ nguồn gốc xuất xứ                       | Hộp | 1  | 245.000   | 245.000   |
| 160 |                                                                | Đèn Led lớn xe ô tô WY-408, không rõ nguồn gốc xuất xứ                            | Hộp | 1  | 350.000   | 350.000   |
| 161 |                                                                | Đèn pha xe ô tô C-5706, không rõ nguồn gốc xuất xứ                                | Cái | 1  | 490.000   | 490.000   |
| 162 |                                                                | Tăng bi xe ô tô SO-1808, không rõ nguồn gốc xuất xứ                               | Cái | 1  | 350.000   | 350.000   |
| 163 |                                                                | Rờ le dờ xe ô tô hiệu Genuine parts, không rõ nguồn gốc xuất xứ                   | Cái | 1  | 315.000   | 315.000   |
| 164 |                                                                | Lọc gió xe ô tô hiệu Air Filter A-068S, không rõ nguồn gốc xuất xứ                | Cái | 1  | 455.000   | 455.000   |
|     | Quyết định số 39020124/QĐ-XP ngày 07/10/2022 của Đội QLTT số 2 |                                                                                   |     |    |           |           |

|            |                                                                |                                                                             |     |    |         |                    |
|------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----|----|---------|--------------------|
| 165        |                                                                | Quạt xe ô tô hiệu Mitchell, không rõ nguồn gốc xuất xứ                      | Cái | 1  | 280.000 | 280.000            |
| 166        |                                                                | Còi hơi xe ô tô hiệu Trumpet Air Horn Assy, không rõ nguồn gốc xuất xứ      | Cái | 1  | 910.000 | 910.000            |
| 167        |                                                                | Đèn pha xe ô tô hiệu Jinrui, không rõ nguồn gốc xuất xứ                     | Hộp | 2  | 315.000 | 630.000            |
| 168        |                                                                | Heo cái xe ô tô BJ212, không rõ nguồn gốc xuất xứ                           | Con | 1  | 490.000 | 490.000            |
| 169        |                                                                | Heo cái xe ô tô BJ1041, không rõ nguồn gốc xuất xứ                          | Con | 1  | 364.000 | 364.000            |
| 170        |                                                                | Heo bánh trước xe ô tô hiệu Hangda ZB/T24008-90, không rõ nguồn gốc xuất xứ | Con | 1  | 525.000 | 525.000            |
| 171        |                                                                | Heo bánh sau xe ô tô hiệu Hangda 6700, không rõ nguồn gốc xuất xứ           | Con | 1  | 490.000 | 490.000            |
| 172        | Quyết định số 39020125/QĐ-XP ngày 11/10/2022 của Đội QLTT số 2 | Đèn Led hiệu Two Color Panel Light 18+6W, do nước ngoài sản                 | Cái | 26 | 133.000 | 3.458.000          |
| 173        |                                                                | Đèn Led hiệu Panel Light 18+6W, do nước ngoài sản xuất                      | Cái | 13 | 105.000 | 1.365.000          |
| 174        |                                                                | Đèn Led hiệu Flood Light 50W, do nước ngoài sản xuất                        | Cái | 7  | 245.000 | 1.715.000          |
| 175        |                                                                | Đèn pin năng lượng hiệu JunAi JA-1960, do nước ngoài sản xuất               | Cái | 41 | 77.000  | 3.157.000          |
| 176        |                                                                | Đèn Led hiệu Two Color Panel Light 12+4W, do nước ngoài sản                 | Cái | 15 | 105.000 | 1.575.000          |
| 177        |                                                                | Đèn Led hiệu Two Color Panel Light 3+3W, do nước ngoài sản xuất             | Cái | 39 | 49.000  | 1.911.000          |
| 178        |                                                                | Đèn led dây, do nước ngoài sản xuất                                         | mét | 90 | 10.500  | 945.000            |
| 179        | Quyết định số 39020126/QĐ-XP ngày 12/10/2022 của Đội QLTT số 2 | Nhã kem hiệu Hello Kitty, không rõ nguồn gốc xuất xứ                        | Cái | 64 | 42.000  | 2.688.000          |
| 180        |                                                                | Bộ nhã kem có cốc hiệu Pro, không rõ nguồn gốc xuất xứ                      | Bộ  | 15 | 70.000  | 1.050.000          |
| 181        | Quyết định số 39040006/QĐ-TT ngày 06/7/2022 của Đội QLTT số 4  | Quạt đôi gắn xe ô tô hiệu Mitchell model HX-T304 made in China              | Cái | 60 | 115.000 | 6.900.000          |
| 182        |                                                                | Dụng cụ cắt mát xe ô tô hiệu Kerma JK451 nhãn ngôn ngữ nước ngoài           | Cái | 80 | 40.000  | 3.200.000          |
| <b>XVI</b> | <b>LÔ 16</b>                                                   |                                                                             |     |    |         | <b>100.775.236</b> |
| 1          | Quyết định số 39010005/QĐ-TT                                   | Ốp gác chân Ect15-15                                                        | Bộ  | 10 | 3.500   | 35.000             |

|    |                                      |                                                    |     |     |        |           |
|----|--------------------------------------|----------------------------------------------------|-----|-----|--------|-----------|
| 2  | ngày 10/02/2022<br>của Đội QLTT số 1 | Bồ thắng Brake Shoe                                | cái | 98  | 21.000 | 2.058.000 |
| 3  |                                      | Cần số xe máy, không nhãn hiệu                     | Cái | 10  | 21.000 | 210.000   |
| 4  |                                      | Cần thắng xe máy, không nhãn hiệu                  | Cái | 40  | 21.000 | 840.000   |
| 5  |                                      | Cốt yên xe, Hải Đăng                               | cái | 4   | 14.000 | 56.000    |
| 6  |                                      | Cùi đĩa, 6425, Made in Viet nam                    | cái | 30  | 14.700 | 441.000   |
| 7  |                                      | Dè xe máy, Nhãn không đủ                           | Cái | 35  | 14.000 | 490.000   |
| 8  |                                      | Gác chân xe máy các loại, Vario, Rizoma            | Cái | 55  | 4.200  | 231.000   |
| 9  |                                      | Lò xo xe máy                                       | Cặp | 19  | 5.600  | 106.400   |
| 10 |                                      | Mặt nạ xe máy, không nhãn hiệu                     | Cái | 40  | 4.200  | 168.000   |
| 11 |                                      | Matit Dán ron, nhãn không đủ                       | Cái | 60  | 10.500 | 630.000   |
| 12 |                                      | Thảm lót chân xe máy các loại Vision               | Cái | 50  | 12.600 | 630.000   |
| 13 |                                      | Mô tơ đề FJC                                       | Cái | 20  | 28.000 | 560.000   |
| 14 |                                      | Nạp chỉnh lưu Honda                                | Cái | 30  | 10.500 | 315.000   |
| 15 |                                      | Nhông xích KATEMA                                  | Bộ  | 5   | 84.000 | 420.000   |
| 16 |                                      | Ốc nhựa bịt chân gương, nhãn không đủ (Vi= 28 cái) | Vi  | 50  | 2.100  | 105.000   |
| 17 |                                      | Ốp dè các loại, nhãn không đủ                      | Cái | 60  | 2.100  | 126.000   |
| 18 |                                      | Ốp đuôi xe máy các loại, nhãn không đủ             | Cái | 30  | 2.100  | 63.000    |
| 19 |                                      | Ốp lọc gió các loại Vision                         | Cái | 15  | 3.500  | 52.500    |
| 20 |                                      | Ốp lốc máy xe máy các loại, nhãn không đủ          | Cái | 30  | 3.500  | 105.000   |
| 21 |                                      | Ốp mặt đồng hồ Exciter                             | Cái | 10  | 3.500  | 35.000    |
| 22 |                                      | Ốp Pô các loại, nhãn không đủ                      | Cái | 170 | 3.500  | 595.000   |
| 23 |                                      | Ốp pô E các loại, nhãn không đủ                    | Cái | 25  | 3.500  | 87.500    |
| 24 |                                      | Ốp Quạt gió, nhãn không đủ                         | Cái | 15  | 3.500  | 52.500    |
| 25 |                                      | Ron xe máy, nhãn không đủ                          | cái | 60  | 3.500  | 210.000   |
| 26 |                                      | Tai đèn xi nhan Cup67                              | Bộ  | 20  | 14.000 | 280.000   |
| 27 |                                      | Cùm thắng, không nhãn hiệu                         | bộ  | 10  | 28.000 | 280.000   |
| 28 |                                      | Tay thắng, không nhãn hiệu                         | Cái | 10  | 14.000 | 140.000   |
| 29 | Quyết định số<br>39000018/QĐ-TT      | Búa Hiệu Bogo shin, made in PRC                    | Cái | 50  | 11.000 | 550.000   |

ngày 15/7/2022  
của Cục QLTT

|    |                                                                  |     |      |         |           |
|----|------------------------------------------------------------------|-----|------|---------|-----------|
| 30 | Cửa cầm tay Hiệu Bogo                                            | Cái | 48   | 29.500  | 1.416.000 |
| 31 | Cửa cầm tay Hiệu Manshi                                          | Cái | 50   | 39.200  | 1.960.000 |
| 32 | Cửa cầm tay dạng gấp Hiệu Manshi                                 | Cái | 100  | 36.700  | 3.670.000 |
| 33 | Đá cắt Hiệu Bogo ( 107 xanh ),<br>Made in Prc, nhãn phụ không đủ | Cái | 4000 | 1.100   | 4.400.000 |
| 34 | Đá cắt Hiệu Fushin (335 x 3,2 x<br>25,4mm) do Việt Nam sản xuất  | Cái | 180  | 22.500  | 4.050.000 |
| 35 | Dao rọc giấy Hiệu Bogo, Made in<br>PRC                           | Cái | 120  | 13.500  | 1.620.000 |
| 36 | Đầu khâu các loại Hiệu Bogo                                      | Cái | 260  | 3.200   | 832.000   |
| 37 | Đầu khâu dài Hiệu Bogo , Made in<br>PRC, có nhãn phụ             | Cái | 220  | 4.500   | 990.000   |
| 38 | Đầu tua vít Hiệu Manshi                                          | Cái | 400  | 550     | 220.000   |
| 39 | Dụng cụ bắn keo Hiệu Bogo , Made<br>in PRC                       | Cái | 80   | 33.500  | 2.680.000 |
| 40 | Dụng cụ rút đinh Hiệu Bogo                                       | Cái | 36   | 15.000  | 540.000   |
| 41 | Kệ đựng sản phẩm Nhãn hiệu nước<br>ngoài                         | Bộ  | 2    | 250.000 | 500.000   |
| 42 | Kéo cắt cảnh Hiệu Bogo                                           | Cái | 24   | 50.000  | 1.200.000 |
| 43 | Kéo cắt cảnh các loại Hiệu Bogo<br>shin, Made in PRC             | Cái | 50   | 50.000  | 2.500.000 |
| 44 | Kéo cắt thạch cao các loại Hiệu<br>Bogo, Made in PRC             | Cái | 36   | 70.000  | 2.520.000 |
| 45 | Kìm cộng lực Hiệu Bogo, Made in<br>PRC                           | Cái | 5    | 835.000 | 4.175.000 |
| 46 | Kìm điện đa năng Hiệu Bogo Shin                                  | Cái | 72   | 25.000  | 1.800.000 |
| 47 | Kìm nhọn 6 Hiệu Bogo shin , Made<br>in PRC, có nhãn phụ          | Cái | 24   | 20.000  | 480.000   |
| 48 | Lục Lăng vĩ hiệu Bogo, có nhãn<br>bằng tiếng Việt Nam            | Vĩ  | 60   | 25.000  | 1.500.000 |
| 49 | Lưỡi cắt Hiệu Bogo, Made in PRC                                  | Cái | 300  | 27.920  | 8.376.000 |
| 50 | Lưỡi rọc giấy Hiệu Bogo , Made in<br>PRC                         | Cái | 1800 | 1.870   | 3.366.000 |
| 51 | Máy hàn nhiệt Hiệu Manshi, Xuất<br>xứ Trung Quốc, có nhãn phụ    | Cái | 20   | 150.000 | 3.000.000 |
| 52 | Mũi đục Hiệu Manshi                                              | Cái | 100  | 1.170   | 117.000   |
| 53 | Mũi đục Hiệu Bogo                                                | Cái | 100  | 1.170   | 117.000   |
| 54 | Mũi khoan Hiệu Bogo, Made in<br>PRC, có nhãn phụ                 | Cái | 550  | 1.170   | 643.500   |
| 55 | Mũi khoan bê tông Hiệu Manshi                                    | Cái | 250  | 1.170   | 292.500   |

|    |                                                               |                                                            |     |      |           |                      |
|----|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----|------|-----------|----------------------|
| 56 |                                                               | Mũi khoan các loại Hiệu Bogo                               | Cái | 2000 | 1.000     | 2.000.000            |
| 57 |                                                               | Mũi khoan các loại Hiệu Manshi                             | Cái | 1100 | 2.000     | 2.200.000            |
| 58 |                                                               | Mũi khoan gạch men Hiệu Bogo                               | Cái | 50   | 3.650     | 182.500              |
| 59 |                                                               | Mũi khoan sắt Hiệu Bogo                                    | Cái | 80   | 1.500     | 120.000              |
| 60 |                                                               | Mũi khoét gỗ Hiệu Bogo, Made in PRC, có nhãn phụ           | Cái | 290  | 1.550     | 449.500              |
| 61 |                                                               | Thước kéo Hiệu Manshi, loại 7.5m, made in PRC              | Cái | 144  | 12.028    | 1.732.032            |
| 62 |                                                               | Thước kéo Hiệu Manshi, loại 5m, made in PRC                | Cái | 112  | 7.217     | 808.304              |
| 63 |                                                               | Tua vít các loại Hiệu Bogo shin , Made in PRC, có nhãn phụ | Cái | 120  | 9.800     | 1.176.000            |
| 64 | Quyết định số 39010021/QĐ-TT ngày 05/7/2022 của Đội QLTT số 1 | Cản xe ô tô AM106, Made in Thailand                        | Cái | 5    | 3.150.000 | 15.750.000           |
| 65 |                                                               | Cản xe ô tô MX 202, Made in Thailand                       | Cái | 1    | 2.170.000 | 2.170.000            |
| 66 | Quyết định số 39010027/QĐ-TT ngày 31/8/2022 của Đội QLTT số 1 | Đép nữ các loại, hiệu Hu Di Model Shoe                     | Đôi | 100  | 20.000    | 2.000.000            |
| 67 |                                                               | Giày nam các loại hiệu Muno                                | Đôi | 80   | 100.000   | 8.000.000            |
| 68 |                                                               | Đép nam các loại hiệu Muno                                 | Đôi | 27   | 50.000    | 1.350.000            |
|    |                                                               | <b>TỔNG CỘNG</b>                                           |     |      |           | <b>3.357.115.438</b> |